

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở:	1
2. Tên cơ sở:	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	3
3.3. Sản phẩm của cơ sở: áo, quần các loại	5
4. Nguyên, phụ liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	5
4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng:	5
4.2. Nhu cầu sử dụng nước:	5
4.3. Nguồn cung cấp điện của Công ty :	6
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:	7
5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở:	7
5.2. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở:	9
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	11
1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	11
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	12
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	14
1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:	14
1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải:	14
1.3. Xử lý nước thải:	17
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	22
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	26
3.1. Công tác phân loại, thu gom	26
3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:	27
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	28
4.1. Công tác phân loại, thu gom, lưu giữ:	28
4.2. Biện pháp xử lý CTNH:	30
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	30
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	31

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh**

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	37
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	41
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	41
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	41
2.1. Nguồn phát sinh khí thải.....	41
2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:	41
2.3. Dòng khí thải	41
2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:	41
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	43
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.	43
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.	45
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo:.....	47
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	48
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	48
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	49
3. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	49
4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	49
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	51
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	52
PHỤ LỤC	53

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BOD ₅	Nhu cầu ô xy sinh hóa
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CHXHCN	Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa
CP	Chính Phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
ĐVT	Đơn vị tính
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
KCS	Kiểm tra chất lượng sản phẩm
NĐ	Nghị định
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QLMT	Quản lý môi trường
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TT	Thông tư
CCN	Cụm công nghiệp
UBND	Ủy ban nhân dân
XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Tổng hợp nhu cầu nguyên, phụ liệu, hóa chất sử dụng.....	5
Bảng 2: Thống kê lượng nước sử dụng của Công ty	6
Bảng 3: Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở.	7
Bảng 4: Danh mục, máy móc thiết bị chín của cơ sở	9
Bảng 5: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m ³ /ngày.đêm	19
Bảng 6: Máy móc, thiết bị sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải.....	19
Bảng 7: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất.	29
Bảng 8: Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	38
Bảng 9: Giới hạn thông số đề nghị cấp phép đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi	42
Bảng 10: Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ.....	43
Bảng 11: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải định kỳ.....	45
Bảng 12: Kinh phí thực hiện bảo vệ môi trường hằng năm.....	50

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Quy trình công nghệ sản xuất.....	3
Sơ đồ 2: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn	14
Sơ đồ 3: Sơ đồ thu gom nước thải.	15
Sơ đồ 4: Quy trình xử lý nước thải tại bể tự hoại	17
Sơ đồ 5: Quy trình công nghệ xử lý nước thải.....	20
Sơ đồ 6: Quy trình hoạt động của hệ thống làm mát	24
Sơ đồ 7: Biện pháp quản lý chất thải rắn của Công ty.....	27

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Chủ cơ sở: Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh
- Địa chỉ: Lô G1 và một phần các lô G2, G3, G7, G8 KCN Bảo Minh, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Yu Jian**; Chức vụ: Tổng giám đốc.
- Điện thoại: 022806506666;
- Mã số thuế: 0601042639
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên 0601042639 đăng ký lần đầu ngày 22/9/2014, **đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20/7/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.**
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Mã số dự án 5481635356 chứng nhận lần đầu ngày 22/9/2014; chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 22/10/2019 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định cấp.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh
- Địa điểm cơ sở: Lô G1 và một phần các lô G2, G3, G7, G8 KCN Bảo Minh, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường:
 - + Giấy phép xây dựng: số 17/GPXD-BQLCKCN ngày 24/8/2015 của Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định cấp.
 - + Thông báo số 08/TB-BQLCKCN ngày 02/02/2021 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Nam Định thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
 - + Thông báo số 09/TB-BQLCKCN ngày 02/02/2021 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Nam Định thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
 - + Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Nam Định Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh” của Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

+ Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 2/8/2019 của UBND tỉnh Nam Định Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh” của Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh;

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 5481635356, tổng vốn đầu tư của dự án là 198.000.000.000 đồng - dự án có quy mô tương đương nhóm B theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Thông tin chung về cơ sở:

Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh có địa chỉ hoạt động tại Lô G1 và một phần các lô G2, G3, G7, G8 KCN Bảo Minh, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Ngày 22/9/2014 Công ty được Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận đầu tư lần đầu mã số 072043000042 với quy mô sản xuất các áo sơ mi nam nữ, quần đồng phục và các sản phẩm may mặc khác với công suất 8 triệu sản phẩm/năm. Ngày 25/6/2015 Công ty được cấp giấy phép chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất với mục tiêu và quy mô của dự án là sản xuất các loại áo sơ mi nam nữ, quần đồng phục và các sản phẩm may mặc khác với công suất 8 triệu sản phẩm/năm, sản phẩm dệt với công suất 20.000.000m/năm và Công ty đã được UBND tỉnh Nam Định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh” của Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh tại Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 31/12/2015.

Ngày 25/12/2015 Công ty đã được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB224100 diện tích 31.495m² với mục đích sử dụng là đất công nghiệp.

Ngày 14/6/2016 Công ty tách dự án được phê duyệt thành 2 dự án riêng biệt gồm dự án sản xuất các loại áo sơ mi nam nữ, quần đồng phục và các sản phẩm may mặc khác, sản phẩm được xuất khẩu 100%, công suất của dự án là 8 triệu sản phẩm/năm được thực hiện tại lô G1 và một phần lô G2,G7,G8, KCN Bảo Minh với diện tích 31.495m². Việc tách riêng 2 dự án đã được sự đồng ý của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định. Dự án đã được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 mã số dự án 5481635356. Do đó Công ty chỉ hoạt động sản xuất hàng may mặc, không có hoạt động dệt.

Năm 2018 Công ty đã hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Việt Nam. Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Việt Nam cùng tập đoàn với Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh. Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Việt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

Nam sau khi nhận chuyển nhượng dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy may xuất khẩu Duy Minh” tại khu G (một phần lô G7 và một phần lô G8), KCN Bảo Minh từ Công ty Duy Minh. Dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy may xuất khẩu Duy Minh” đã được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Nam Định cấp phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 482/QĐ-STNMT ngày 28/5/2014 với diện tích đất sử dụng khoảng 25.724, quy mô hoạt động của dự án là sản xuất sản phẩm may mặc các loại khoảng 5,6 triệu sản phẩm/năm. Theo đó Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh góp vốn bằng hình thức đầu tư trang thiết bị máy móc và toàn bộ phần diện tích nhà xưởng trên diện tích 31.495m²; Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Việt Nam góp vốn bằng hình thức đầu tư trang thiết bị máy móc và toàn bộ diện tích nhà xưởng trên diện tích 25.724m². Vậy tổng diện tích của 2 Công ty sau khi hợp tác kinh doanh là 57.219m². Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật mọi vấn đề trong thời gian hợp tác trong đó bao gồm cả vấn đề về bảo vệ môi trường, xử lý nước thải, xử lý rác thải, khí thải.

Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh đã lập báo cáo ĐTM cho Dự án “Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh” và đã được UBND tỉnh Nam Định phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 2/8/2019. Phạm vi quy mô của dự án được triển khai với diện tích khoảng 57.219m² tại lô G1, G7, G8 và một phần lô G2, KCN Bảo Minh, huyện Vụ Bản. Dự án hoạt động trong lĩnh vực may mặc với công suất tối đa 13.600.000 sản phẩm/năm.

Hiện tại cơ sở đang hoạt động ổn định công suất là 4.808.000 sản phẩm/năm với các sản phẩm quần, áo các loại.

Căn cứ Khoản 2 Điều 39, Khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường 2020 thì cơ sở thuộc đối tượng lập giấy phép môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, UBND tỉnh cấp phép.

Do cơ sở đã đi vào hoạt động nên báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh được thực hiện theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

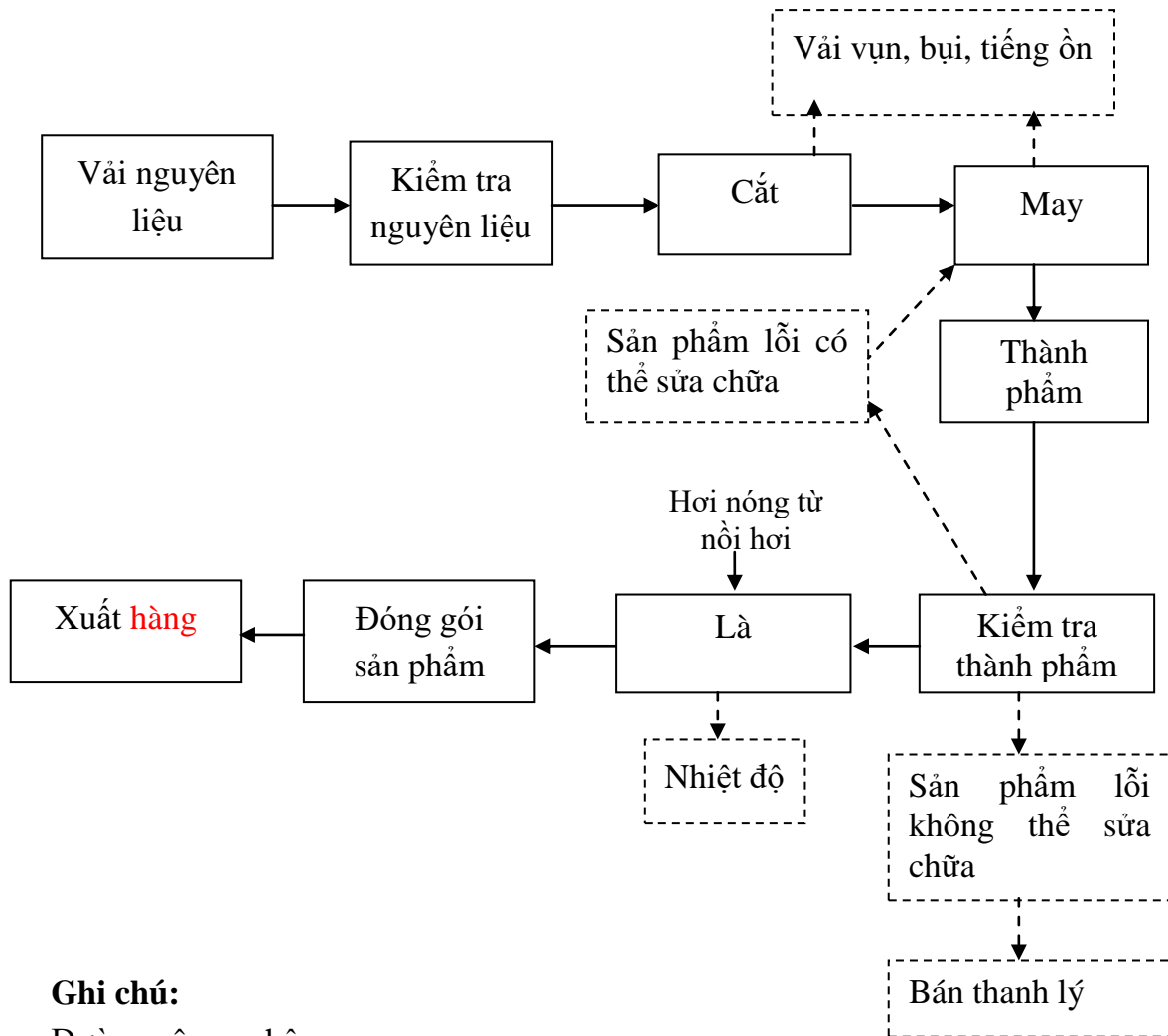
- Công ty hoạt động về lĩnh vực may mặc với công suất 13.600.000 sản phẩm/năm.

- Hiện tại sản lượng của Công ty đã đạt công suất thiết kế là 4.808.000 sản phẩm/năm; số lượng cán bộ công nhân viên 1.700 người.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Sơ đồ 1: Quy trình công nghệ sản xuất

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh



Ghi chú:

Đường công nghệ _____

Đường chất thải - - - - -

*** Thuyết minh quy trình.**

Vải nguyên liệu được Công ty thu mua từ các cơ sở sản xuất trong nước hoặc nước ngoài. Vải được đưa vào bộ phận kiểm để phân loại và tách riêng biệt cho từng dây chuyền sản xuất, sau đó chuyển đến công đoạn cắt.

- Công đoạn cắt: Vải được cắt thành các bán thành phẩm theo bản giác sơ đồ trước khi chuyển sang công đoạn may.

- Công đoạn may: Các bán thành phẩm sẽ được công nhân may thành sản phẩm thô.

- Kiểm tra thành phẩm: Sản phẩm may xong được chuyển xuống bộ phận kiểm tra thành phẩm để loại bỏ sai sót như đường may bị nhăn, nối chỉ xấu, bỏ mũi, mật độ mũi chỉ không đều,... Sản phẩm lỗi có thể khắc phục được sẽ chuyển xuống công đoạn may để sửa chữa; Sản phẩm lỗi không thể khắc phục được sẽ được bán thanh lý. Sản phẩm đạt yêu cầu được chuyển sang công đoạn là.

- Công đoạn là: Tại đây công nhân sẽ sử dụng hơi nóng từ nồi hơi đốt dầu để là phẳng sản phẩm.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

- Hoàn thiện sản phẩm: Sản phẩm được chuyển đến công đoạn đính cúc hoặc lắp khóa,... để thành 1 sản phẩm hoàn chỉnh.

- Kiểm tra thành phẩm: Mỗi công đoạn sản xuất được các công nhân thực hiện cẩn thận và theo đúng quy trình kỹ thuật của nhà máy. Đồng thời sau mỗi công đoạn sản xuất đều có cán bộ kỹ thuật kiểm tra chất lượng sản phẩm nên phát sinh hàng lỗi rất ít.

- Đóng gói sản phẩm: Sản phẩm hoàn thiện được công nhân đóng gói và xuất hàng cho khách hàng theo yêu cầu.

3.3. Sản phẩm của cơ sở: áo, quần các loại

4. Nguyên, phụ liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng:

Bảng 1: Tổng hợp nhu cầu nguyên, phụ liệu, hóa chất sử dụng.

STT	Nguyên, nhiên liệu, hóa chất	Đơn vị	Lượng sử dụng
I	Nguyên liệu		
1	Vải các loại	Tấn/tháng	863.000
2	Cúc các loại	cái/tháng	2.804.667
3	Khóa	cái/năm	393.596
4	Chỉ	Cuộn/năm	212.118
5	Bao bì carton		59
6	túi nilong, đai kiện đóng gói	tấn/năm	8
II	Nhiên liệu sử dụng		
1	Dầu Diesel	Lít/tháng	20.860
2	Xăng	Lít/tháng	870
3	Dầu bôi trơn	Lít/tháng	320
II	Hóa chất dùng cho xử lý nước thải		
1	Clo	kg/năm	40
2	Chế phẩm vi sinh	kg/năm	100

4.2. Nhu cầu sử dụng nước:

- Nguồn cấp nước: Cơ sở sử dụng nguồn nước sạch của Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh. Lượng nước này được sử dụng vào các mục đích:

+ Nước sử dụng cho sinh hoạt: bao gồm nước cho hoạt động nhà ăn, hoạt động rửa tay chân của CBCNV.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh**

+ Nước sử dụng cho sản xuất: Hoạt động của nhà máy là sản xuất các sản phẩm may mặc không có công đoạn giặt tẩy. Nước sử dụng cho nồi hơi và cho hệ thống làm mát nhà xưởng. Nước được tuần hoàn và tái sử dụng lại không thải ra ngoài môi trường.

+ Nước sử dụng cho hoạt động tưới cây được ngấm vào môi trường đất.

- Khối lượng nước sử dụng:

Căn cứ theo hoá đơn sử dụng nước sạch từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2023, lượng nước sử dụng tại cơ sở được thống kê như sau:

Bảng 2: Thống kê lượng nước sử dụng của Công ty

Tháng	Lượng nước sử dụng (m³/tháng)	Ngày hoạt động (ngày)	Lượng nước sử dụng TB ngày (m³/ngày)
Tháng 01/2023	10.775	15	718
Tháng 02/2023	5.227	24	217,79
Tháng 03/2023	7.713	27	285,67
Tháng 04/2023	8.384	24	361
Tháng 05/2023	9.288	25	372
Tháng 06/2023	11.275	28	403
Tháng 7/2023	11.651	26	448
Tháng 8/2023	11.783	27	436
Tháng 9/2023	12.541	26	482
Tháng 10/2023	12.846	26	494
Tháng 11/2023	13.216	27	493
Tháng 12/2023	14.135	28	505

(Nguồn: Công ty TNHH TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh)

Theo hóa đơn sử dụng nước sạch thì khối lượng nước sử dụng lớn nhất của cơ sở là 14.135 m³/tháng (505 m³/ngày).

4.3. Nguồn cung cấp điện của Công ty :

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh**

Nguồn điện cung cấp cho hoạt động sản xuất và hoạt động sinh hoạt của CBCNV của cơ sở được cấp bởi 02 nguồn: Từ điện lưới của KCN Bảo Minh và từ năng lượng điện mặt trời công suất 120kW.

Ngày 30/9/2022 Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán lắp đặt điện năng lượng mặt trời với Công ty TNHH Việt Hương.

Hạng mục điện năng lượng mặt trời đã được Công ty CP kiểm định kỹ thuật, an toàn và tư vấn xây dựng trụ sở tại 243A- Đê La Thành – Đống Đa – TP Hà Nội báo cáo kết quả khảo sát và kiểm tra hiện trạng cho thấy các hạng mục công trình đang làm việc ở trạng thái bình thường; một số sai lệch về chỉ mang tính cục bộ không ảnh hưởng đến khả năng làm việc hiện trạng của kết cấu nhà xưởng công trình.

Kết cấu nhà xưởng không có dấu hiệu lún, nghiêng hay dấu hiệu hư hỏng đặc biệt khác. Kết cấu khung không có hiện tượng han gỉ ăn mòn.

Pin năng lượng mặt trời mái nhà xưởng 1,2,3,4,5 của Công ty được đưa vào hoạt động cuối năm 2022.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.

5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở.

Mặt bằng nhà máy đã được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định phê duyệt năm 2014. Các hạng mục công trình được thể hiện chi tiết tại bảng sau:

Bảng 3: Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở.

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích xây dựng (m²)	Quy mô
I	Các hạng mục công trình chính			
1	Xưởng may 1	01	3.528	Nhà xưởng kết cấu khung, vì kèo thép, mái lợp tôn, tường gạch, nền bê tông
2	Xưởng may 2	01	3.528	
3	Xưởng may 3	01	3.944,6	
4	Xưởng may 4	01	5.234,9	
5	Xưởng may 5	01	5.234,9	
II	Các hạng mục công trình phụ trợ			
1	Nhà văn phòng	1	588	Nhà 3 tầng , mái BTCT
2	Nhà kho	2	3.921	Nhà cấp 4, mái lợp tôn
3	Nhà ăn	2	3.921	01 Nhà ăn 1 tầng và 01 nhà ăn 2 tầng mái

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

				bằng BTCT
4	Nhà y tế	1	116	Nhà 1 tầng, mái BTCT
5	Nhà nồi hơi, khí nén	1	395	Nhà cấp 4, mái lợp tôn
6	Nhà cơ điện	1	255	
7	Nhà để xe công nhân	3	759,4	Nền bê tông, mái lợp tôn
8	Nhà bảo vệ	4	92,7	Nhà 1 tầng, mái BTCT
9	Phòng sửa chữa	1	20	
10	Trạm điện	2	36	Đã xây dựng hoàn thiện
11	Bể nước ngầm	2	100	Bể ngầm bằng BTCT
12	Nhà vệ sinh	7	400	Nhà 1 tầng
13	Cổng + tường rào + sân đường nội bộ		14.938	Sân đường được đổ bê tông hóa
14	Hệ thống cấp điện			Đã xây dựng hoàn thiện
15	Hệ thống cấp nước			Đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cấp nước
III	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
1	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	HT		Đã xây dựng hoàn chỉnh
2	Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	HT		Đã xây dựng hoàn chỉnh
3	Bể tách dầu mỡ	1	5	Bể BTCT xây dựng khu vực nhà ăn
4	Trạm xử lý nước thải công suất 250 m ³ /ngày.đêm	01	100	Bể BTCT đặt ngầm dưới đất
5	Hệ thống làm mát nhà xưởng	5HT		Đã lắp đặt hoàn chỉnh
6	Máy hút bụi di động	5 máy		Đã lắp đặt tại các nhà xưởng
7	Cây xanh	20%		
8	Kho chứa CTR thông thường	02	40	Nền bê tông, tường gạch, mái lợp tôn
9	Kho chứa CTNH	01	20	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

(Nguồn: Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh)

5.2. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Các trang thiết bị máy móc của Công ty được nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan và được bảo dưỡng thường xuyên nên hiện tại vẫn hoạt động tốt.

Tình trạng trang thiết bị: 80% ÷ 90%.

Bảng 4: Danh mục, máy móc thiết bị chính của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Số lượng (cái)
1	Máy ép các loại	100
2	Máy sấy công nghiệp	7
3	Nồi hơi	2
4	Máy thừa khuyết tự động hiệu MEIODY	2
5	Máy may các loại	491
6	Máy và bàn trải vải hiệu Bullmer	3
7	Máy dập cúc	2
8	Máy thừa khuy	100
9	Máy đính cúc	150
10	Máy cuốn ống mũ móc xích kép 2 kim-Juki	15
11	Máy cuốn ống mũ móc xích kép 2 kim-Juki	22
12	Máy cắt vải hiệu EASTMAN	2
13	Hệ thống chuyền xích tự động hiệu Ngai Shing	3
14	Máy cắt cổ áo	11
15	Tự động cắt và chặn cổ áo Ngai Shing	6
16	Máy gấp nếp túi áo	7
17	Máy cuốn ống mũ móc xích kép 2 kim-Juki	2
18	Máy scan màu tự động	1
19	Máy gấp nếp túi áo bằng khí nén	9
20	Máy cắt vải tự động	1
21	Máy trải vải	6
22	Máy may mẫu tự động	30
23	Máy cuốn ống mũ móc xích kép 2 kim-Juki	25
24	Máy cuộn vải	1
25	Máy cuốn ống mũ móc xích kép 2 kim-Juki	16
26	Máy soi màu X-rite Judge QC	2
27	Máy gấp áo sơ mi NS-650	4
28	Máy cắt, dập mẫu vải tự động theo mẫu có sẵn	1
29	Máy hút chỉ NS-55-1	4
30	Máy in sơ đồ RPGP-MJ/4-220	1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

31	Máy vắt sủ	94
----	------------	----

(Nguồn: Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh)

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở sản xuất phù hợp với các quy hoạch phát triển của tỉnh Nam Định và của địa phương bao gồm:

- Quyết định số 2341/QĐ-TTg ngày 02/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, cụ thể đối với định hướng phát triển công nghiệp ưu tiên phát triển các sản phẩm công nghiệp có thị trường tương đối ổn định, hiệu quả cao, các ngành công nghiệp có thế mạnh về nguồn nguyên liệu (công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm), lao động (dệt may, da giày...); tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới trang thiết bị công nghệ hiện đại, thiết bị đồng bộ; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển công nghiệp, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư;

- Quyết định 274/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 18/02/2020 về việc Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì mục tiêu quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:

+ Về mục tiêu tổng quát và tầm nhìn: Phải xác định được các mục tiêu cơ bản, có tính chất chủ đạo, xuyên suốt nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên, kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải, quản lý chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, cacbon thấp và phát triển bền vững đất nước.

+ Về mục tiêu cụ thể: định lượng được các mục tiêu cụ thể về xác lập vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải; thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu quản lý chất thải rắn, nguy hại tập trung; thiết lập mạng lưới quan trắc và cảnh báo về chất lượng môi trường trên phạm vi cả nước cho giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050.

Khu công nghiệp Bảo Minh đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án điều chỉnh đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bảo Minh theo quyết định số 1401/QĐ-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 09 tháng 8 năm 2013 và đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án điều chỉnh đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bảo Minh tại Giấy xác nhận số 36/GXN-TCMT ngày 14/4/2015. Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 576/GPMT-BTNMT ngày 28/12/2023 cho Công ty CP Đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh (bao gồm KCN Bảo Minh và KCN Bảo Minh mở rộng).

Khu công nghiệp Bảo Minh phát triển đa ngành bao gồm các loại hình sản xuất, kinh doanh thuộc các lĩnh vực: sản xuất chế biến thực phẩm, dệt nhuộm, sản xuất trang phục, chế biến gỗ, sản xuất phân bón và hợp chất hữu cơ sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành công nghiệp nhẹ khác phù hợp với tình hình thu hút đầu tư và chủ trương thu hút đầu tư của tỉnh trong từng giai đoạn.

Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh được Ban quản lý các Khu công nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Mã số dự án 5481635356 chứng nhận lần đầu ngày 22/9/2014; chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 22/10/2019 với mục tiêu là sản xuất các loại áo sơ mi nam nữ, quần đồng phục và các sản phẩm may mặc khác. Loại hình sản xuất của nhà máy hoàn toàn phù hợp với quy hoạch chung của KCN.

Vị trí hoạt động của Công ty thực hiện tại lô CN4-3, CN4-4, CN4-6, CN4-7 Khu công nghiệp Bảo Minh rất thuận lợi giao thông trong việc vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm. Mặt khác, tỉnh Nam Định đang là điểm sáng về thu hút đầu tư trong và ngoài nước, ngoài hệ thống giao thông thuận lợi, còn có lực lượng lao động dồi dào.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Đối với nước thải: Hoạt động sản xuất của Công ty chỉ phát sinh nước thải sinh. Công ty đã đầu tư hệ thống thu gom nước thải hoàn chỉnh và trạm xử lý nước thải tập trung của Nước thải được thu gom xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B). Công ty đã hợp đồng với Công ty CP đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh để xử lý nước thải từ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) lên QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Nước thải sau xử lý của KCN Bảo Minh sẽ thải ra kênh C9-5 trước khi thải ra kênh tiêu C9 và ra sông Chanh.

Công ty CP đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh đã xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất 7.000m³/ngày.đêm đảm bảo xử lý nước thải của các nhà máy trong KCN đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A. Hiện nay hệ thống xử lý nước thải của KCN Bảo Minh đang hoạt động với công suất khoảng 6.000-6.500m³/ngày.đêm. KCN Bảo Minh đã được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 576/GPMT-BTNMT ngày 28/12/2023 cho Công ty CP Đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh (bao gồm KCN Bảo Minh và KCN Bảo Minh mở rộng).

Như vậy việc xả nước thải của Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh phù hợp với khả năng chịu tải của hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Bảo Minh

- Đối với hơi khí thải từ quá trình sản xuất: Công ty sẽ lắp đặt các hệ thống thu gom bụi trong nhà xưởng. Công ty đã thay thế lò hơi đốt than sang lò hơi đốt dầu Diezen để giảm bụi, khí thải phát sinh trước khi thải ra môi trường. Bụi, khí thải phát

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

sinh của lò hơi đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT (B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

- Đối với chất thải rắn: Bao gồm rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại được thu gom phân loại. Công ty đã bố trí thùng chứa, kho lưu chứa chất thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Như vậy với các biện pháp giảm thiểu công ty đang thực hiện đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường khu vực xung quanh của nhà máy và phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

CHƯƠNG III

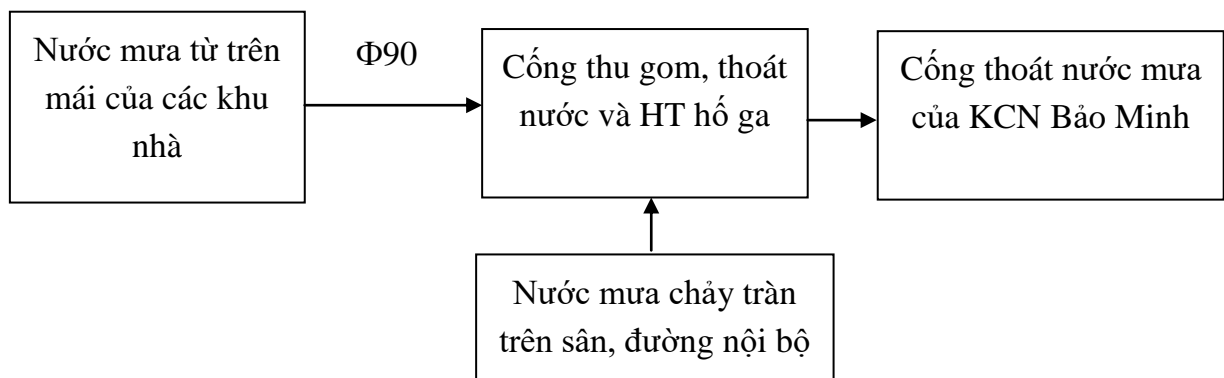
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải, đảm bảo không xảy ra tình trạng ngập úng và ô nhiễm.

Sơ đồ 2: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn



Nước mưa từ trên mái nhà của các khu nhà được thu gom qua các phễu thu vào các ống nhựa $\Phi 90$ sau đó cùng với nước mưa chảy tràn trên bề mặt chảy xuống cống thoát nước mưa của nhà máy B300-400 và lắng cặn qua các hố ga trước khi chảy vào cống thu gom nước mưa của KCN Bảo Minh tại 2 cửa xả nằm trên đường D1 (01 cửa xả phía Tây Bắc và 01 cửa xả phía Tây Nam của Nhà máy).

Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

- Đường cống B300-400 dài khoảng 1.200m, vữa mác xi măng rộng 15cm – 40cm, sâu 25cm-50cm, có nắp đậy bằng bê tông
- Hố ga lắng cặn: kích thước 80cm x 80cm x 1m, có 50 hố ga.
- Số lượng cửa xả: 02
- Vị trí cửa xả: phía Tây Bắc và phía Tây Nam của Nhà máy

1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải:

1.2.1. Nguồn phát sinh nước thải

* Nguồn phát sinh nước thải:

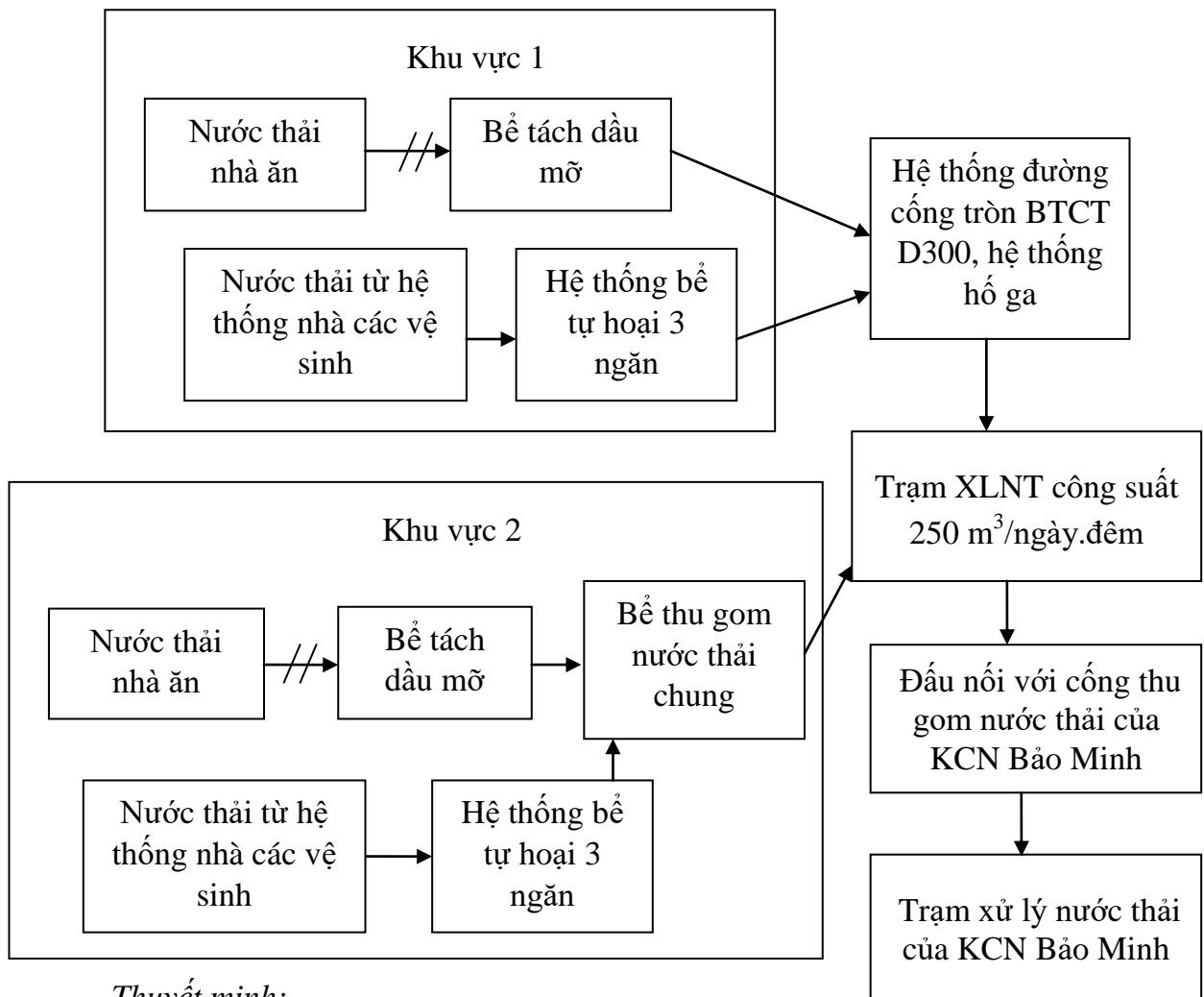
+ Nước thải sinh hoạt: Căn cứ theo sổ nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải của Công ty trong năm 2023. Khối lượng nước thải phát sinh vào ngày lớn nhất là 230m³/ngày. Thành phần: BOD₅, COD, TSS ...

+ Hoạt động làm mát nhà xưởng: Lượng nước sạch sử dụng cho hoạt động làm mát nhà xưởng được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài môi trường.

+ Hoạt động của lò hơi hơi: Trong quá trình sản xuất, nhà máy sử dụng nước sạch cho hoạt động của nồi hơi, nước được đun nóng thành hơi nước để cấp nhiệt cho hoạt động là sản phẩm, hoạt động của lò hơi sử dụng dầu Diezen thân thiện với môi trường nên giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh. Hệ thống thoát khí thải được lắp đồng bộ với lò hơi. Do đó hoạt động của lò hơi không phát sinh nước thải.

1.2.2. Công trình thu gom nước thải:

Sơ đồ 3: Sơ đồ thu gom nước thải.



Thuyết minh:

* Nước thải đối với khu vực 1:

- Nước thải từ các khu nhà vệ sinh: được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110 xuống bể tự hoại 3 ngăn (Nhà máy đã xây dựng 4 bể tại các khu: xưởng may,

nhà điều hành, nhà ăn). Nước thải sau khi xử lý trong bể tự hoại sẽ cùng nước rửa tay chân, nước thoát sàn từ các nhà vệ sinh chảy theo đường ống PVC $\Phi 200$ ra hố ga ngoài nhà, nước thải từ đây theo đường nhựa PVC $\Phi 200$ và đường cống tròn BTCT D300 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $250 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ của Nhà máy để xử lý.

- Nước thải nhà ăn: được thu gom theo đường ống PVC D110 xuống bể tách dầu mỡ. Nước thải sau khi tách dầu mỡ chảy ra hố ga ngoài nhà, nước thải từ đây theo đường cống tròn BTCT D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

* Đối với khu vực 2:

- Nước thải từ các khu nhà vệ sinh: được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110 xuống bể tự hoại 3 ngăn (Nhà máy đã xây dựng 3 bể tại các khu: nhà văn phòng, khu vực vệ sinh chung, nhà ăn). Nước thải sau khi xử lý trong bể tự hoại sẽ cùng nước rửa tay chân, nước thoát sàn từ các nhà vệ sinh chảy theo đường ống PVC $\Phi 200$ ra hố ga ngoài nhà, nước thải từ đây theo đường nhựa PVC $\Phi 200$ về bể thu gom chung có thể tích 75 m^3 . Nước thải từ bể thu gom chung chảy theo đường cống tròn BTCT D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $250 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ của Nhà máy để xử lý.

- Nước thải nhà ăn: được thu gom theo đường ống PVC D110 xuống bể tách dầu mỡ. Nước thải sau khi tách dầu mỡ chảy ra hố ga ngoài nhà, nước thải từ đây theo đường nhựa PVC $\Phi 110$ về bể thu gom chung có thể tích 75 m^3 . Nước thải từ bể thu gom chung chảy theo đường cống tròn BTCT D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $250 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ của Nhà máy để xử lý.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) theo đường cống $\Phi 150$ chảy ra cống thu gom nước thải của KCN Bảo Minh trên đường D1 phía Tây nhà máy.

- Thông số kỹ thuật:

+ Đường ống thu gom D110 dài khoảng 300m

+ Đường ống thu gom D200 dẫn nước thải về hố ga thu gom tổng dài khoảng 200m

+ Đường cống tròn BTCT D300 dẫn nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung

+ Đường ống thoát nước thải là ống nhựa PVC $\Phi 150$ từ hố ga cuối cùng xả vào cống thu gom nước thải của KCN Bảo Minh dài khoảng 250m.

+ Hố ga: trên hệ thống đường cống có các hố ga lắng cặn số lượng 51 hố, thể tích $0,5-0,75 \text{ m}^3/\text{hố}$, đáy hố ga xây bê tông, thành hố xây gạch trát xi măng, nắp là tấm đan BTCT, mác 200.

(Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của Nhà máy được thể hiện cụ thể trong phần phụ lục).

1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý:

- Nguồn tiếp nhận: cống thu gom nước thải của KCN Bảo Minh.
- Vị trí xả nước thải sau xử lý:
- + Nước thải sau xử lý được xả qua 01 cửa xả phía Tây của nhà máy trên đường D1.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m): 2251232 Y(m): 0563405
(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

- Phương thức xả thải: tự chảy
- Chế độ xả thải: 24h/ngày.đêm
- Lưu lượng xả thải lớn nhất: $250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải được đóng kèm phụ lục II của báo cáo.

Vị trí xả nước thải đã đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đối với điểm xả nước thải như:

+ Việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Việc thiết kế và xây dựng các điểm xả phải bảo đảm chống xâm nhập ngược từ nguồn tiếp nhận và ảnh hưởng của ngập úng.

1.3. Xử lý nước thải:

1.3.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải của cơ sở

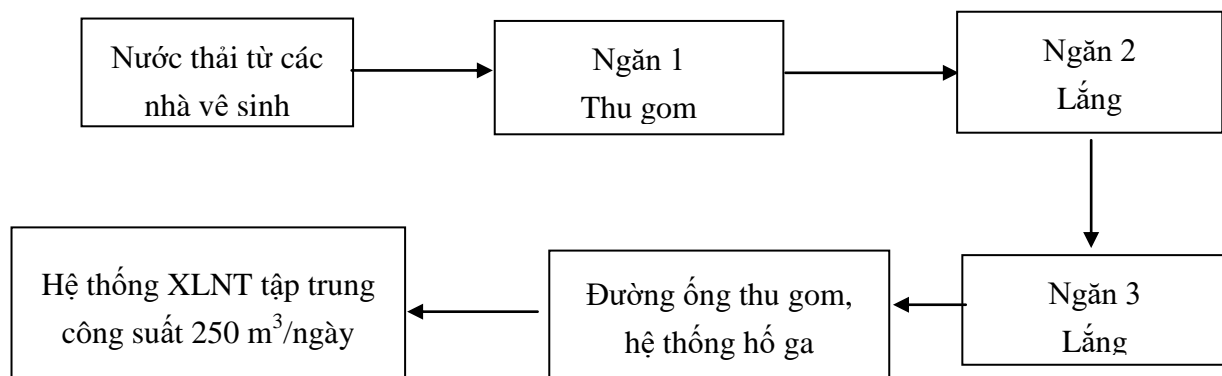
* *Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt*

a. Nước thải khu nhà vệ sinh: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường, chức năng của từng hạng mục công trình xử lý cụ thể như sau:

Toàn bộ nhà máy đầu tư xây dựng 7 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh. Khu vực 1 xây dựng 4 bể tự hoại; khu vực 2 xây dựng 3 bể tự bao gồm: 01 bể thể tích 19m^3 ; 02 bể thể tích $42\text{m}^3/\text{bể}$; 04 bể có thể tích $20\text{m}^3/\text{bể}$

Quy trình xử lý nước thải trong bể tự hoại như sau:

Sơ đồ 4: Quy trình xử lý nước thải tại bể tự hoại



Mô tả:

Nước thải từ các khu nhà vệ sinh theo đường ống PVC Φ 110 về bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Các tạp chất hữu cơ, vô cơ, cặn dễ lắng khi theo dòng nước thải chảy vào bể tự hoại sẽ được lắng xuống đáy khi qua ngăn điều hòa, lắng 1, sau đó nước thải tiếp tục chảy tràn qua ngăn lắng 2. Dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất thải trong nước thải sẽ bị phân hủy, một phần tạo các chất khí và một phần tạo các chất vô cơ hòa tan, bùn lắng xuống đáy ngăn. Nước thải phân hủy ở ngăn 2 sẽ chảy tràn sang ngăn 3. Tại ngăn lắng 3, các chất hữu cơ tiếp tục được lắng xuống đáy ngăn, nước thải sau đó được đầu nối vào đường ống nhựa D200, cống tròn BTCT D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy công suất 250m³/ngày để tiếp tục xử lý trước khi chảy ra cống thu gom nước thải của KCN Bảo Minh.

- Ưu điểm của bể tự hoại 3 ngăn:

- + Không tiêu tốn năng lượng trong quá trình vận hành.
- + Công nghệ đơn giản.
- + Xây dựng đơn giản, giá thành xây dựng thấp, dễ sử dụng.
- + Có khả năng vận hành gián đoạn trong thời gian dài nhưng vẫn giữ được hoạt tính của bùn cặn sinh ra, tính ổn định cao.

b. Nước thải từ nhà ăn: Được xử lý sơ bộ trong bể tách dầu mỡ. Bể tách dầu mỡ được xây dựng tại khu vực nhà ăn. Khu vực 1 xây dựng 1 bể tách dầu mỡ với thể tích bể 7m³; khu vực 2 xây dựng 1 bể tách dầu mỡ thể tích 7,5m³

Nước thải tại khu vực bếp ăn theo đường ống PVC D110 xuống bể tách dầu mỡ. Nước thải sẽ được đưa vào ngăn chứa thứ nhất của bể lọc tách dầu mỡ thông qua sọt rác được thiết kế bên trong, cho phép giữ lại các chất bẩn như các loại thực phẩm, lá rau hay các loại tạp chất khác... Sau đó nước thải đi sang ngăn thứ hai của bể lọc tách dầu mỡ, tại đây, dầu mỡ sẽ nổi lên trên mặt nước. Còn phần nước thải sau khi mỡ và dầu đã được tách ra lại tiếp tục đi xuống đáy bể và chảy ra hệ thống ống nhựa D200, cống tròn D300, hệ thống hồ ga lắng cặn về hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày.đêm. Lớp dầu mỡ sẽ được định kỳ thu gom, lưu giữ và xử lý cùng với chất thải sinh hoạt.

1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày.đêm:

* Thời điểm nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng:

* Chức năng: thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi thải vào cống thu gom nước thải của KCN Bảo Minh.

* Quy mô, công suất hệ thống xử lý nước thải.

- Quy mô kích thước và thể tích các bể của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

Bảng 5: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày.đêm

TT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước DxRxH (m)	Thể tích chứa (m ³)	Cos bể	Chức năng
1	Bể điều hòa	01	6,9x5,4x3,1	98	-3,1; 0,0	Điều hòa lưu lượng, nồng độ các chất ô nhiễm
2	Bể Aerotank	01	8,2x3,6x4,6	108	-2,2; +2,4	Xử lý các chất ô nhiễm có trong nước thải
3	Bể lắng	01	3,6x0,6x4,6	27	-2,2; +2,4	Tách bùn ra khỏi nước thải
4	Bể khử trùng	01	2,9 x 2,4 x 3,05	15	-2,2; +1,0	Loại bỏ vi khuẩn
5	Bể chứa bùn	01	2,9 x 1,7 x 3,05	12	-2,2; +1,0	Lưu chứa bùn
6	Hố ga sau xử lý	01		0,5		

(Nguồn: Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải)

- Máy móc thiết bị sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 6: Máy móc, thiết bị sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên thiết bị máy móc	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
1	Tủ điện điều khiển	bộ	1	Việt Nam, Trung Quốc...
2	Van điều khiển	cái	1	
3	Bơm nước thải -Công suất: 0,75kW -Lưu lượng: 10 m ³ /giờ -Điện áp: 380V/3pha/50Hz	bộ	2	
4	Máy thổi khí -Công suất: 5,5kW -Điện áp: 380V/3pha/50Hz -Lưu lượng khí: 4,08 m ³ /phút -Áp lực: P=4000mm Aq	bộ	2	
5	Đĩa thổi khí -Lưu lượng: Q= 0-12 m ³ /giờ -Đường kính: D170mm -Chủng loại: Diffuser dạng bọt	cái	20	

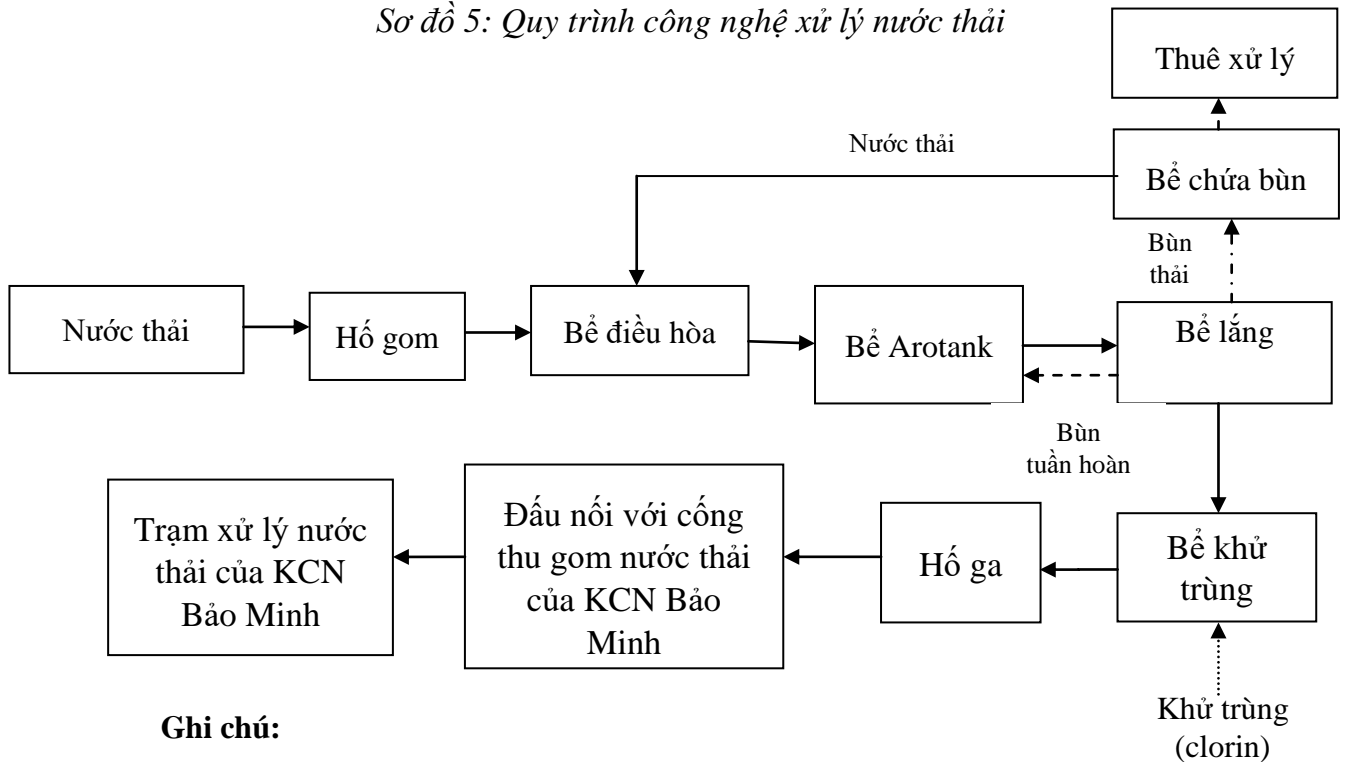
**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh**

6	Bơm định lượng hóa chất	cái	2	
7	Máy khuấy chìm	cái	1	
	Công suất: 2,23kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			
8	Bơm bùn tuần hoàn	cái	2	
	Công suất: 1,1kW			
	Điện áp: 380V/3pha/50Hz			

- Công suất hệ thống xử lý nước thải: 250 m³/ngày.đêm

* Quy trình công nghệ vận hành của hệ thống xử lý nước thải

Sơ đồ 5: Quy trình công nghệ xử lý nước thải



Ghi chú:

Đường nước thải: —————>

Đường bùn thải: - - - - ->

Bùn tuần hoàn: - ->

Thuyết minh:

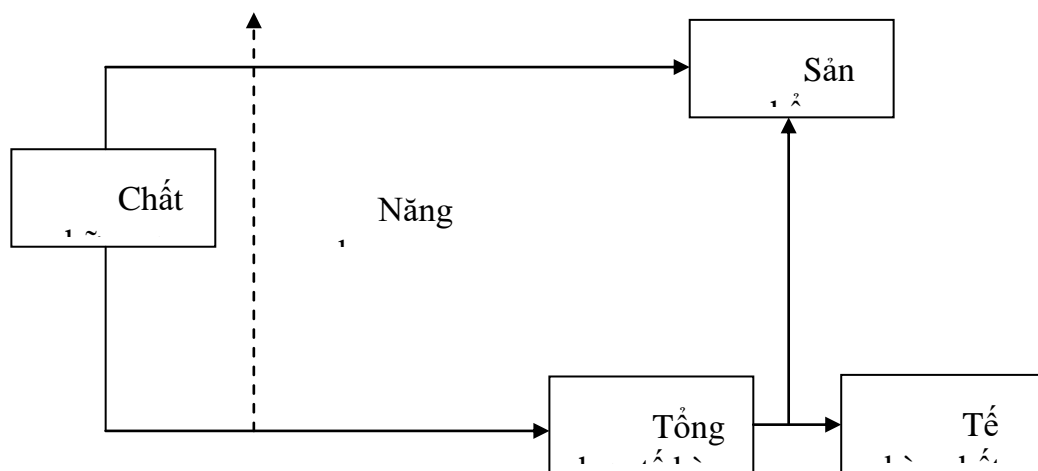
- Nước thải nhà vệ sinh, nước thải nhà ăn sau khi đã xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, bể tách dầu mỡ sẽ theo hệ thống đường ống dẫn cùng với nước thải thoát sàn nhà vệ sinh chảy về hố ga thu gom. Nước từ hố ga chảy sang bể điều hòa

- Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và đảm bảo nồng độ chất thải có trong chất thải luôn ổn định hoặc dao động ở mức độ chấp nhận khi đi vào hệ thống xử lý, bảo đảm hiệu quả cho các quy trình xử lý sinh học về sau. Nó chứa nước thải và các chất cần xử lý ở các giờ cao điểm, phân phối lại trong các giờ không hoặc ít sử dụng để cung cấp ở một lưu lượng nhất định 24/24h cho các hệ thống sinh học phía

sau. Nhờ đó làm giảm kích thước và tạo chế độ làm việc liên tục ổn định cho các công trình xử lý tiếp theo, tránh hiện tượng quá tải, nhằm hạn chế việc gây “shock” tải trọng cho vi sinh vật cũng như giữ cho hiệu quả xử lý nước thải được ổn định, các bể sinh học phía sau hoạt động hiệu quả. Đồng thời máy thổi khí cấp khí vào bể điều hòa nhằm xáo trộn ổn định nồng độ chất thải trong nước và làm giảm 1 phần nhiệt độ nước thải. Nước từ bể điều hòa bơm lên bể sinh học hiếu khí (bể Aerotank)

- Bể sinh học hiếu khí sẽ diễn ra quá trình phân hủy hiếu khí triệt để, sản phẩm của quá trình này chủ yếu là khí CO₂ và sinh khối vi sinh vật, các sản phẩm chứa nitơ và photpho sẽ được các vi sinh vật hiếu khí chuyển thành dạng NO₃, SO₄ và chúng sẽ tiếp tục khử nitrat, khử sulfat bởi vi sinh vật. Hiệu quả xử lý trong giai đoạn này có thể đạt 80 – 90% . Trong hệ thống xử lý nước thải bằng phương pháp giá thể lơ lửng trong bể sinh học, vi khuẩn có vai trò cực kỳ quan trọng, vi khuẩn là yếu tố chính để phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải. Trong bể xử lý, một phần chất hữu cơ được vi khuẩn hiếu khí tiêu hủy thành năng lượng hoạt động, phần chất thải hữu cơ còn lại được chuyển hóa tạo nên tế bào của vi khuẩn theo sơ đồ sau.

Sơ đồ quá trình trao đổi chất dị dưỡng của vi khuẩn.



Chỉ một phần chất hữu cơ có trong nước thải thực sự bị oxy hóa thành các hợp chất có năng lượng thấp như; NO₃⁻, SO₄⁻, CO₂ còn lại được vi khuẩn tổng hợp thành tế bào. Ngoài ra còn một số các hợp chất trung gian được hình thành trước khi bị oxy hóa hoàn toàn được mô tả theo phương trình phản ứng



- Bể lắng: Nước từ bể Aerotank (hiếu khí) sẽ đi vào ngăn thu nước và đi từ dưới lên trên ở ngăn lắng qua tấm lắng lamen, tại đây xảy ra quá trình tách pha giữa pha rắn và pha lỏng, theo hướng di chuyển bùn sẽ va vào tấm lắng dưới tác dụng của trọng lực và thay đổi phương chuyển động sẽ có xu hướng lắng xuống đáy bể. Thời gian lưu

nước trong bể lắng đủ lớn để các bông bùn lắng xuống đáy bể, phần nước trong được thu qua máng răng cưa, nước sau lắng được dẫn sang bể khử trùng

- Bể khử trùng: Mục đích của khử trùng là nhằm tiêu diệt các loại vi trùng gây bệnh bằng chất oxy hóa. Chlorine được bơm định lượng bơm vào bể. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, chảy theo đường ống PVC $\Phi 150$ ra công thu gom nước thải của KCN Bảo Minh tại 01 cửa xả phía Tây dự án.

- Bể chứa bùn: Bùn thải từ bể lắng sinh học của hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn, bùn công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút xử lý. Nước từ bể chứa bùn thu gom về bể điều hòa để xử lý.

* Chế độ vận hành: 24h/ngày

* Hiệu quả xử lý nước thải hiện nay:

Hàng năm Công ty đã hợp đồng với đơn vị có năng lực thực hiện lấy mẫu quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý. Kết quả quan trắc qua các đợt quan trắc đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: Tọa độ xả thải: X (m): 2251232; Y(m): 0563405 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Vị trí xả thải đã được chấp thuận: Công thu gom nước thải của KCN Bảo Minh.

Công ty đã ký hợp đồng số 167/2018/HĐNT-BAOMINH-SMART SHIRT (BẢO MINH) ngày 01/08/2018 với Công ty CP đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh Công ty đã hợp đồng với Công ty CP đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh để xử lý nước thải từ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) lên QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi xả thải ra ngoài môi trường

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Các nguồn phát sinh bụi, khí thải của cơ sở bao gồm:

- Khí thải, bụi từ hoạt động giao thông: Hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và đi lại của CBCNV sẽ là nguồn phát sinh bụi, khí thải. Thành phần khí thải gồm: khí SO_2 , NO_x , CO, CO_2 , VOC và bụi.

- Từ hoạt động sản xuất:

+ Bụi phát sinh tại công đoạn cắt, may...Thành phần: Bụi vải, bụi chỉ...

- Từ hoạt động nấu ăn: Trong quá trình nấu ăn sẽ phát sinh bụi, khí thải (CO , SO_2 , NO_x ,...). Ngoài ra trong quá trình chế biến thức ăn như chiên, rán, kho xào... sẽ phát sinh ra hơi mùi thức ăn.

Các công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải của cơ sở như sau:

* **Đối với bụi, khí thải từ hoạt động giao thông**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

- Phân luồng rõ khu vực để xe dành cho cán bộ công nhân viên, và các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm ra vào Nhà máy cụ thể như sau:

+ Khu vực nhà để xe của cán bộ công nhân viên Nhà máy được quy hoạch gần công ra vào thuận tiện cho việc đi lại và hạn chế việc phát tán bụi, khí thải trong khuôn viên Nhà máy.

+ Đối với các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào Nhà máy để không chế nguồn ô nhiễm áp dụng một số biện pháp: xây dựng chế độ vận hành xe, các phương tiện giao thông ra vào hợp lý, xe khi vào đến Công ty phải chạy chậm với tốc độ cho phép, trong thời gian bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm không được nổ máy.

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho và khu vực xe vận chuyển để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.

- Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay...cho công nhân xếp hàng hóa.

- Trồng cây xanh tạo cảnh quan trong khuôn viên Nhà máy để chống ồn, chống bụi và cải thiện môi trường không khí. Ngoài ra cây xanh còn trồng dọc theo nhà xưởng, sân đường nội bộ để tạo cảnh quan.

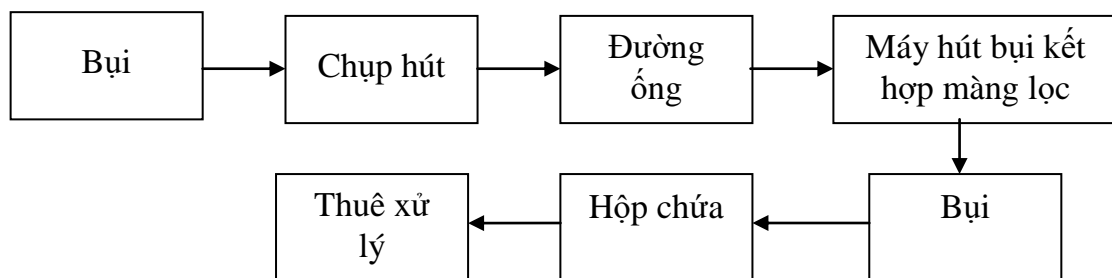
*** Đối với lò hơi**

Năm 2021 Công ty đã chuyển đổi lò hơi đốt than sang lò hơi đốt dầu Diezen. Công ty đầu tư 02 lò hơi, mỗi lò công suất 1 tấn hơi/h, một lò hoạt động, 01 lò dự phòng. Lò hơi đốt dầu thân thiện với môi trường giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh ra môi trường. Hàng năm Công ty đã hợp đồng với đơn vị có năng lực thực hiện lấy mẫu quan trắc bụi, khí thải tại lỗ kỹ thuật trên thân ống khói. Kết quả quan trắc qua các đợt quan trắc đều đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B.

- Tọa độ vị trí xả khí thải hải: Tọa độ xả thải: X (m): 2251216; Y(m): 0563521 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

*** Đối với hoạt động trong xưởng sản xuất**

- Trang bị máy hút bụi công nghiệp di động trong nhà xưởng. Quy trình xử lý như sau:



Bụi phát sinh dưới tác dụng của lực hút bụi được hút theo đường ống dẫn vào trong máy hút bụi kết hợp màng lọc nằm bên trong máy hút. Màng có cấu tạo là các sợi có kích thước nhỏ được đan với nhau. Tại đây bụi được giữ lại trên bề mặt màng lọc, phần không khí sạch sẽ thoát ra ngoài môi trường. Bụi được giữ lại trong hộp chứa sau đó thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Ngoài ra trong nhà xưởng Công ty áp dụng các biện pháp sau:

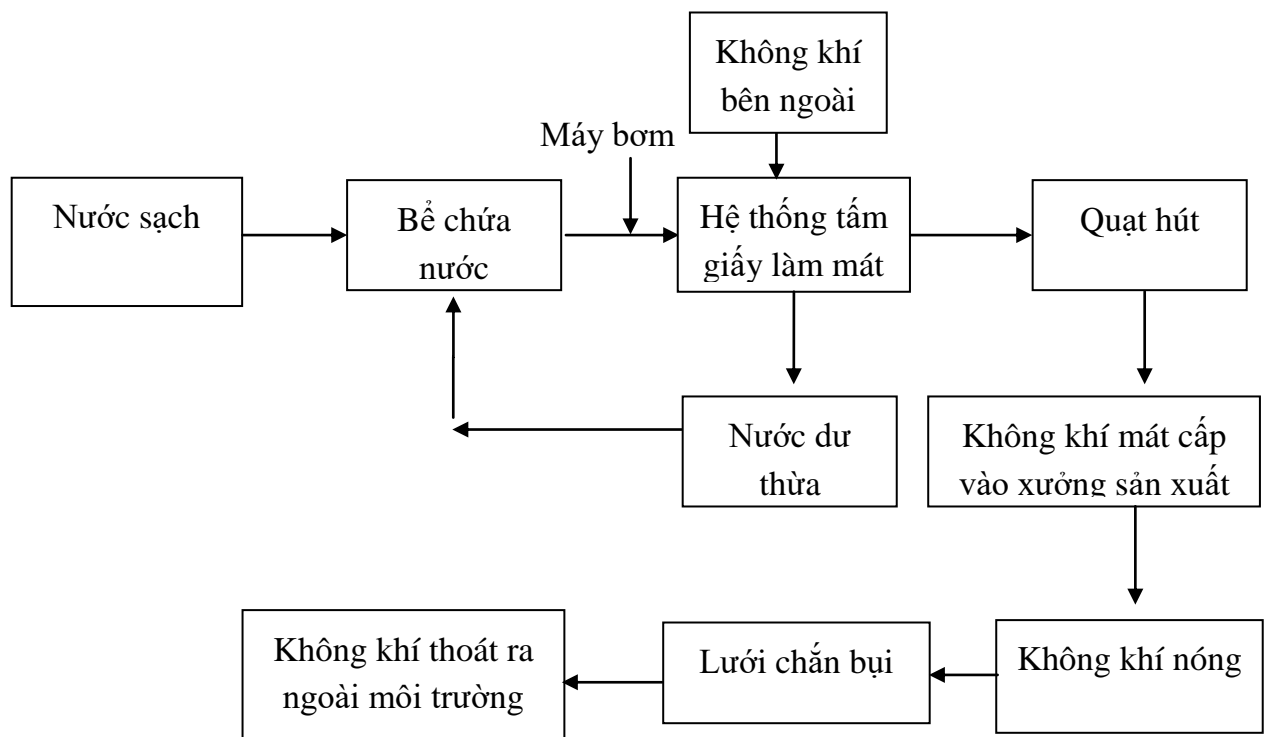
+ Tăng cường thông thoáng nhà xưởng bằng các mái đối lưu tự nhiên, giảm nồng độ bụi tại khu vực sản xuất.

+ Nền nhà xưởng được láng bê tông và lát gạch để hạn chế bụi phát tán từ nền nhà xưởng trong khu vực sản xuất.

+ Bố trí công nhân quét dọn và thu gom bụi sau mỗi ca làm việc.

+ Lắp đặt hệ thống làm mát tại xưởng may, nhà ăn, nguyên tắc hoạt động của hệ thống này như sau:

Sơ đồ 6: Quy trình hoạt động của hệ thống làm mát



Nước sạch theo đường ống nhựa PVC D60 về bể chứa nước tại mỗi xưởng sản xuất. Nước sạch được phun đều lên trên bề mặt của tấm giấy làm mát. Tấm giấy làm mát được sản xuất từ giấy chuyên dụng, không chứa các hóa chất có hại, kỹ thuật tạo lượn sóng. Các lớp sóng này được liên kết đan xen lại với nhau tạo thành một góc cắt là 90° (có cấu trúc tổ ong). Khi dòng nước chảy từ trên xuống bề mặt của tấm giấy sẽ làm tăng khả năng tiếp xúc, cọ sát và va đập các hạt nước với nhau khi đó xảy ra quá trình

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

bay hơi nước. Phần nước dư từ hệ thống tắm giấy chảy xuống bể chứa để tái sử dụng (bao gồm 5 bể có tổng thể tích 25m³).

Quạt hút công suất 1,5 kW sẽ hút hơi mát cấp vào trong xưởng. Phần không khí nóng trong xưởng sẽ qua lưới chắn bụi nhằm giữ lại bụi trước khi không khí được thoát ra bên ngoài môi trường. Công ty thực hiện giữ bụi tại lưới chắn bụi bằng cách tháo xuống vệ sinh và làm sạch bụi bám trên bề mặt tấm lưới định kỳ 1 tháng/lần.

* Thông số kỹ thuật của quạt hút gió:

- Số lượng:

+ 24 quạt hút công nghiệp cho 01 xưởng sản xuất (tổng 96 quạt cho 4 xưởng).

+ Nhà ăn 10 cái.

- Kích thước: 1.380 x 1.380 x 400mm

- Sải cánh inox dập gân: 1270mm

- Tốc độ: 470 r/m

- Công suất: 1,1 KW

- Điện áp: 380V

* Thông số kỹ thuật của tấm làm mát:

- Số lượng:

+ 52m/xưởng tắm làm mát cho 01 xưởng sản xuất;

+ 20m cho khu vực nhà ăn.

- Vật liệu: bằng giấy đặc biệt có kết cấu tổ ong, nếp sóng được xếp chéo 45x45

- Máy bơm tuần hoàn nước làm mát: điện áp 1,5kW/ 380V, lưu lượng: 2500

Lít/H, độ cao tối đa : 2.5m

- Bể cấp nước làm mát: 04 bể nước có thể tích 5m³/bể.

- Nhà ăn: 1 tex nước làm mát: Thể tích 5 m³/tex.

* **Biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải khu vực nhà ăn:**

Công ty sử dụng gas để nấu ăn sẽ phát sinh khí CO₂, NO_x ... Ngoài ra trong quá trình chế biến thức ăn như chiên, rán, kho xào... sẽ phát sinh ra hơi mùi thức ăn. Để hạn chế lượng hơi mùi này ảnh hưởng tới môi trường cũng như sức khỏe con người, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

+ Khu nhà bếp của Công ty được thiết kế thông thoáng với không gian rộng nên mùi thức ăn tại đây dễ dàng bị pha loãng.

+ Hạn chế tối đa để dầu mỡ cháy khét

+ Không sử dụng dầu ăn nấu lại nhiều lần.

+ Vệ sinh bếp sau mỗi lần nấu ăn bằng nước nóng. Sử dụng các loại nước tẩy rửa, vệ sinh để tiến hành vệ sinh, khử mùi.

+ Lắp đặt máy hút mùi tại khu vực bếp nấu. Máy hút mùi có chứa vật liệu lọc bằng than hoạt tính để hấp phụ hơi mùi khí thải.

*** Biện pháp giảm thiểu hơi mùi khu vực trạm xử lý nước thải**

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo quản hệ thống phân phối khí và sục khí ở các bể điều hòa, bể Aerotank để duy trì điều kiện hiếu khí, giảm thiểu việc phát sinh các khí gây mùi H₂S, NH₃ ...

+ Kiểm tra chế độ bơm nước thải tại các bể tiếp nhận để đảm bảo thời gian lưu nước của các bể, tránh xảy ra tình trạng phân hủy kỵ khí ở các bể.

+ Nước thải trong bể gom được luôn chuyển liên tục, không bị lưu quá 12h nên hạn chế quá trình phân huỷ và phát tán mùi, khí thải ra ngoài môi trường.

*** Giải pháp trồng cây xanh:**

Hiện nay hai khu vực của Công ty đã trồng cây xanh dọc theo đường nội bộ, tường rào. Công ty tận dụng mặt bằng để trồng cây xanh, diện tích cây xanh trong khuôn viên của công ty chiếm khoảng 20% tổng diện tích mặt bằng.

Cây xanh góp phần tạo không gian cảnh quan đẹp và cải thiện môi trường. Tác dụng của cây xanh trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: giảm bức xạ nhiệt, giảm nhiệt độ không khí, nhiệt độ bề mặt, tăng độ ẩm, tăng lượng oxy, hấp thụ các chất độc hại trong không khí; hấp thụ tiếng ồn, giảm nồng độ bụi và cản gió.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.1. Công tác phân loại, thu gom

a) Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường

*** Chất thải rắn sinh hoạt**

- *Nguồn phát sinh:*

+ Từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên và hoạt động nấu ăn trong Công ty...

+ Thành phần: Rác thải sinh hoạt như thức ăn thừa, rau thực phẩm hỏng, túi nilon, giấy, vỏ phòng phẩm hỏng thải...

- *Khối lượng:* Căn cứ theo biên bản bàn giao chất thải rắn sinh hoạt, khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh **1m³/ngày**

*** Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

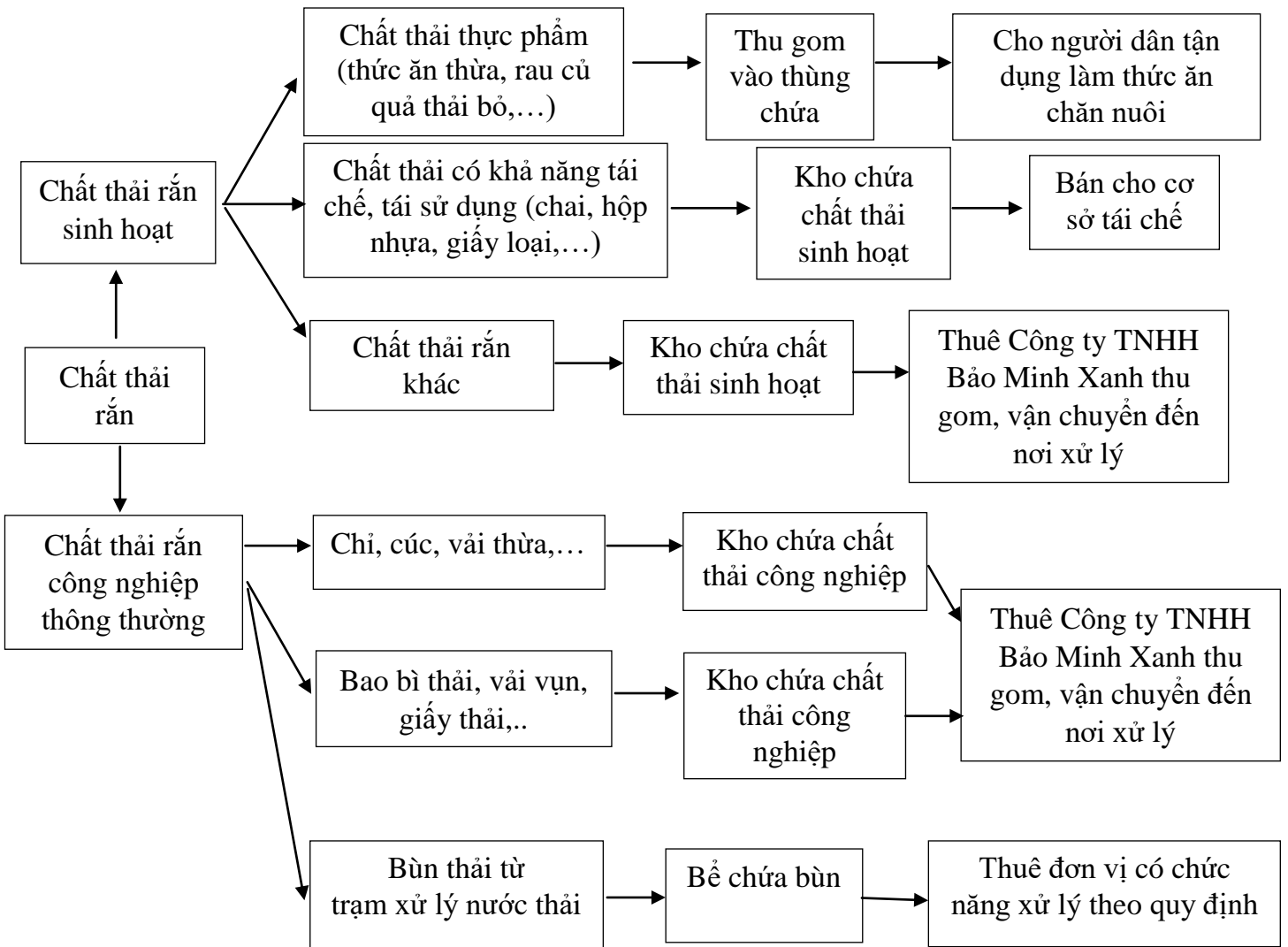
- *Nguồn phát sinh và khối lượng:*

+ Phát sinh do quá trình sản xuất bao gồm bao bì thải, vải vụn, giấy thải, chỉ, cúc, vải thừa, bụi bông,...Căn cứ theo biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2023, khối lượng khoảng **3m³/ngày**.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Tham khảo một số mô hình xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Nam Định, lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải trung bình là 0,026 kg/m³ nước thải/ngày. Với lượng nước thải phát sinh cần phải xử lý là 230 m³/ngày thì lượng bùn phát sinh khoảng 6 kg/ngày = 1.872 kg/năm.

Các chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty được tiến hành thu gom, phân loại và xử lý như sau:

Sơ đồ 7: Biện pháp quản lý chất thải rắn của Công ty



3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở được phân loại theo quy định của Luật BVMT 2020 như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

+ Đối với chất thải thực phẩm như thức ăn thừa, rau củ quả thải bỏ,... được thu gom vào 01 thùng chứa có thể tích 120 lít, có nắp đậy đặt tại khu vực bếp ăn. Chất thải này sẽ cho người dân đến thu gom hàng ngày để tận dụng làm thức ăn chăn nuôi.

+ Đối với chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng như chai, hộp nhựa, lon nước giải khát, giấy loại,... được thu gom vào 10 thùng chứa có thể tích 30 ÷ 50 lít, có nắp đậy được bố trí tại khu vực nhà ăn, hành lang khu nhà xưởng, nhà điều hành sản xuất, tuyến đường nội bộ. Vào cuối giờ làm nhân viên vệ sinh của cơ sở sẽ thu gom về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt phía Tây Bắc nhà máy có diện tích 10 m², kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn và được bán cho cơ sở tái chế.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác bao gồm các loại chất thải rắn sinh hoạt không có chứa yếu tố độc hại và không thuộc nhóm chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng hoặc chất thải thực phẩm được thu gom vào 15 thùng chứa có thể tích 30 ÷ 50 lít, có nắp đậy được bố trí tại khu vực nhà ăn, hành lang khu nhà xưởng, nhà điều hành sản xuất, tuyến đường nội bộ. Vào cuối giờ làm nhân viên vệ sinh của cơ sở sẽ thu gom về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt phía Bắc nhà máy có diện tích 20 m², kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn.

Công ty đã ký hợp đồng số 02072023/SSBM-BMX ngày 02/7/2023 với Công ty TNHH Bảo Minh Xanh đến thu gom, vận chuyển xử lý.

* Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải công nghiệp phát sinh gồm chỉ, cúc, Bao bì thải, vải vụn, giấy thải,... được đóng bao và lưu giữ trong kho chứa chất thải công nghiệp phía Bắc nhà máy. Kho có diện tích 20 m², kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn. Công ty ký hợp đồng số 02072023/SSBM-BMX ngày 02/7/2023 với Công ty TNHH Bảo Minh Xanh đến thu gom, vận chuyển xử lý thu gom, vận chuyển đi xử lý.

Bùn thải từ trạm xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

4.1. Công tác phân loại, thu gom, lưu giữ:

a. Nguồn phát sinh CTNH:

* Các công đoạn phát sinh: Hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị; hoạt động chiếu sáng; hoạt động xử lý nước thải,...

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

* Khối lượng:

Căn cứ theo chứng từ CTNH năm 2023, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất như sau:

Bảng 7: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất.

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	17	Công ty TNHH thương mại và xây dựng An Sinh Mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.089.VX	Được thu gom, xử lý bởi Công ty TNHH thương mại và xây dựng An Sinh
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	18		
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	15		
4	Bùn thải từ quá trình xử lý nước	10 02 03		50		

Ngoài ra nhà máy còn phát sinh tấm pin năng lượng mặt trời thải bỏ. Hệ thống điện năng lượng mặt trời bắt đầu đi vào hoạt động cuối năm 2022 được lắp đặt tại mái nhà xưởng, vì vậy chưa phát sinh chất thải nguy hại là tấm pin năng lượng mặt trời thải bỏ; sau một thời gian sử dụng khoảng 20 ÷ 30 năm mới phải thay tấm pin mới. Tổng số tấm pin năng lượng mặt trời lắp tại cơ sở là 11 bộ. Việc thay thế tấm pin năng lượng mặt trời khi hết hạn sử dụng sẽ được Công ty hợp đồng với nhà cung cấp (Công ty TNHH Việt Hương) có trách nhiệm thu gom và vận chuyển toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sửa chữa, thay thế, nâng cấp hệ thống điện mặt trời ra khỏi nhà máy đến nơi xử lý theo đúng quy định

b. Công tác phân loại, thu gom

Tất cả CTNH phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy đang được lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định, cụ thể như sau:

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ tại kho chất thải nguy hại diện tích 20 m² phía Bắc nhà máy. Kho xây dựng nền bê tông, tường gạch, mái tôn, cửa bằng sắt, có biển báo kho chứa chất thải nguy hại, biển cảnh báo.

- Trang bị 07 thùng chứa chất thải nguy hại loại có thể tích từ 50l đến 120l, có nắp đậy, có ghi nhãn bên ngoài mỗi thùng chứa và gắn nhãn trên tường kho để phân biệt từng loại chất thải nguy hại và được đặt tại kho chứa CTNH.

- Trong kho có phân thành từng ô, gờ bằng gạch để thùng chứa CTNH,

- Công nhân thu gom chất thải nguy hại được trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết như: găng tay, mũ, khẩu trang.

4.2. Biện pháp xử lý CTNH:

Ngày 13/9/2023 Công ty đã ký hợp đồng số 0410/2023/HĐXLCT/VIETTHAO-SMART SHIRT với Công ty CP môi trường Việt Thảo về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Công ty CP môi trường Việt Thảo có địa chỉ tại tổ 17, khu 8, phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.040.VX (cấp lần 2).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ các thiết bị máy móc như máy may, quạt hút, máy phát điện, khu vực xưởng may,...Ngoài ra, còn có hoạt động của các máy móc thiết bị tại trạm xử lý nước thải tập trung như máy thổi khí, máy bơm... và hoạt động của các phương tiện giao thông.

Biện pháp giảm thiểu:

- Công ty đã đầu tư vốn để trang bị máy móc hiện đại, tiên tiến do đó ảnh hưởng của tiếng ồn sẽ được hạn chế đáng kể.

- Bố trí dây chuyền máy móc thiết bị hợp lý tránh gây sự cộng hưởng tiếng ồn khi hoạt động.

- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất có khả năng tạo rung động lớn đều đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

- Hành lang cách ly giữa những khu vực gây ồn lớn với các khu vực khác phải được đảm bảo.

- Công ty có quy định đối với các phương tiện chuyên chở, phải tuân thủ đúng tải trọng, bảo dưỡng máy móc định kỳ, tuân thủ quy định giao thông khi ra vào Công ty.

- Đối với máy phát điện dự phòng: Công ty đầu tư máy phát điện dự phòng có công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu tiếng ồn. Bên cạnh đó máy phát điện dự phòng được Công ty bố trí đặt trong phòng kín.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a. Phương án kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các máy móc thiết bị có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường

Công ty cử 02 cán bộ phụ trách môi trường có trách nhiệm định kỳ kiểm tra hàng ngày toàn bộ máy móc thiết bị của nhà máy và hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện các sự cố hỏng hóc trong quá trình vận hành và tiến hành sửa chữa và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.

b. Các biện pháp phòng ngừa đối với từng nguy cơ xảy ra sự cố môi trường

** Công tác phòng chống cháy nổ.*

Để phòng ngừa, ứng phó với sự cố cháy nổ, Công ty đã lập phương án chữa cháy như sau:

- Lực lượng: Công ty thành lập đội phòng cháy chữa cháy cơ sở với tổng số 120 đội viên. Lực lượng hàng năm được tập huấn công tác nghiệp vụ PCCC theo luật phòng cháy chữa cháy. Lực lượng chữa cháy được phân công với các nhiệm vụ khác nhau như nhóm làm nhiệm vụ triển khai phương tiện chữa cháy, nhóm di dời tài sản máy móc, nhóm cứu thương, cứu người, bảo vệ, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy.

Lực lượng bảo vệ cơ sở gồm 30 người đã được huấn luyện nghiệp vụ về PCCC chia làm 3 ca trực, mỗi ca 10 người thực hiện nhiệm vụ tuần tra canh gác, bảo vệ và kiêm nhiệm công tác thường trực chữa cháy. Khi xảy ra cháy, đội PCCC cơ sở nhanh chóng tập hợp và tổ chức triển khai các hoạt động chữa cháy dưới sự chỉ huy đội trưởng đội PCCC cơ sở hoặc lãnh đạo cơ sở.

Công ty đã thiết kế và đã lắp đặt hệ thống cháy, chữa cháy tại chỗ, riêng biệt phục vụ công tác phòng chống cháy nổ.

- Hệ thống báo cháy tự động gồm 02 tủ trung tâm báo cháy tự động mỗi tủ 16 kênh lắp đặt tại cổng bảo vệ số 1 và số 3, các đầu báo cháy nhiệt ion và khói được lắp đặt ở khu văn phòng, xưởng sản xuất, nhà kho, nhà ăn.

- Hệ thống báo cháy tự động gồm 02 máy bơm tự động cơ điện 3 pha công suất 35kw. Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler được lắp đặt ở khu vực nhà kho xưởng 2, xưởng 6, xưởng 9

- Cơ sở trang bị 200 bình chữa cháy bằng bột MFZ4, 90 bình chữa cháy MT3, 70 họng nước chữa cháy vách tường đầy đủ lăng vòi, 06 trụ nước chữa cháy 2 cửa tại vị trí bên ngoài xung quanh các xưởng cùng nhiều trang thiết bị, phương tiện chữa cháy tại chỗ khác như phi đựng nước, xô, xẻng, chậu, thang tre, câu liềm,...

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

Các phương tiện được bố trí ở nơi dễ thấy, dễ lấy gần các khu vực cửa ra vào. Khi xảy ra cháy tại một khu vực nào đó thì có thể huy động toàn bộ lực lượng, phương tiện chữa cháy trên ở các khu vực khác nhau để giam ga tập trung dập tắt đám cháy theo mệnh lệnh và sự phân công của người chỉ huy chữa cháy.

Công ty xây dựng 2 bể chứa nước thể tích 200m³ xây ngầm dưới nhà để xe phía Nam và 01 bể chứa nước sinh hoạt thể tích 100m³ xây ngầm dưới nhà để xe trung tâm của nhà máy. Khu vực bể chứa nước thuận tiện cho xe và máy bơm chữa cháy vào hút nước được

Công ty đã được Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 13/2015/TDPCCC-PC66 ngày 20/5/2015.

*** Phòng ngừa bệnh liên quan đến tác nhân nghề nghiệp:**

- Cử công nhân quét dọn nhà xưởng sau mỗi ca làm việc.
- Tuyên truyền cho CBCNV nhận thức về tác hại của bụi và đề ra nội quy về an toàn lao động trong quá trình vận hành các thiết bị máy móc.
- Trang bị bảo hộ lao động như quần áo, giày, khẩu trang chống bụi CBCNV.
- Tổ chức kiểm tra sức khỏe cho CBCNV, định kỳ 2 lần/năm
- Thực hiện đầy đủ chính sách cho người lao động trong nhóm lao động nặng nhọc ,độc hại.

*** An toàn lao động.**

Để bảo đảm an toàn lao động trong quá trình sản xuất, ban lãnh đạo nhà máy kết hợp với CBCNV thực hiện các biện pháp sau:

- Tuyệt đối chấp hành mọi sự chỉ dẫn về an toàn lao động, nội qui phòng cháy và chữa cháy, đặc biệt là vấn đề vệ sinh công nghiệp.
- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành thiết bị máy móc, quy trình công nghệ, định lượng chính xác nguyên vật liệu, nhiên liệu để giảm bớt lượng chất thải, ổn định thành phần và tính chất của chất thải tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và xử lý chất thải.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các trang thiết bị máy móc sản xuất để kịp thời thay thế, sửa chữa,... khi có hỏng hóc.
- Định kỳ hàng năm sẽ đào tạo, tập huấn cho CBCNV về an toàn lao động.
- Định kỳ hàng năm tổ chức quan trắc môi trường lao động tại cơ sở theo quy định của pháp luật.

*** Sự cố ngộ độc thực phẩm:**

Công ty hiện đang áp dụng các biện pháp sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

- Nguyên liệu được mua từ các cơ sở có uy tín, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng.

- Nguyên liệu, bao bì, thành phẩm thực phẩm phải được bảo quản trong khu vực chứa đựng, kho riêng, diện tích đủ rộng để bảo quản thực phẩm; thiết kế phù hợp với yêu cầu bảo quản, giao nhận của từng loại thực phẩm và nguyên liệu thực phẩm; vật liệu xây dựng tiếp xúc với thực phẩm bảo đảm an toàn.

- Nguyên liệu thực phẩm chế biến hàng ngày được nhà bếp thực hiện việc lưu mẫu bảo quản trong tủ lạnh bao gồm thức ăn sống và thức ăn chín. Thời gian lưu mẫu và bảo quản mẫu là 24h.

- Cử cán bộ kiểm tra vệ sinh về an toàn thực phẩm trong quá trình nấu ăn như hoạt động rửa thực phẩm, bát đĩa,... và quá trình chế biến,...

- Lượng thức ăn sau khi nấu chín được che đậy cẩn thận để phòng ngừa ruồi muỗi.

*** Biện pháp phòng chống sự cố lò hơi đốt dầu:**

+ Bố trí người trực theo ca khi nồi hơi hoạt động, người vận hành nồi hơi được đào tạo theo đúng quy định của pháp luật, được cấp chứng chỉ vận hành và thường xuyên được tập huấn về an toàn sự cố nổ nồi hơi.

+ Xây dựng quy trình vận hành và nội quy khi vận hành nồi hơi.

+ Công ty đã thực hiện kiểm định đường ống dẫn khí đốt theo quy định được đính kèm trong phụ lục của báo cáo

+ Công ty đã thực hiện kiểm định lò hơi đốt dầu, hệ thống đường ống dẫn hơi từ lò hơi đến nhà xưởng sản xuất theo quy định, lò hơi, hệ thống đảm bảo đạt yêu cầu cho quá trình sản xuất. (Giấy chứng nhận kiểm định được đóng trong phụ lục của báo cáo)

Đối với máy nén khí, hệ thống đường ống dẫn khí nén Công ty cũng thực hiện kiểm định theo quy định được đính kèm trong phụ lục của báo cáo

*** Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu:**

Công ty có bể tec chứa dầu 10m³ để cấp nhiên liệu cho lò hơi. Căn cứ theo Điều 7 Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 Quyết định Ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu thì Công ty không thuộc đối tượng phải làm kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được phê duyệt. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu như sau:

- Có hệ thống thông báo, báo động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty để thực hiện khắc phục sự cố. Trong trường hợp ngoài khả năng giải quyết của Công ty, Công ty sẽ thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước để có sự hỗ trợ khắc phục kịp thời

- Ban phòng chống sự cố của cơ sở lập tức huy động lực lượng có mặt tại hiện trường thực hiện mọi khả năng hiện có để chặn đứng nguồn gây dầu tràn bằng các thiết bị, công cụ ứng phó sự cố tràn dầu.

- Các chất thấm dầu và dầu bẩn được thu gom, lưu trữ tại các phuy chứa chất thải nguy hại được bố trí tại khu vực dành riêng có mái che tránh nắng mưa chiếu trực tiếp. Thùng phuy chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo không bị rò rỉ, không bị tràn hoặc gây ô nhiễm ra môi trường đất và nước ngầm. Sau đó Công ty hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện hành nghề vận chuyển, xử lý tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định.

*** Phòng chống sự cố về hệ thống xử lý nước thải tập trung:**

Trách nhiệm của người vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Nắm vững quy trình công nghệ, tuân thủ đúng và đầy đủ các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải và các yếu tố bất thường liên quan đến quá trình xử lý nước thải của hệ thống.

- Thường xuyên ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, đầy đủ trong Sổ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý.

- Có ý thức bảo vệ tài sản của công trình, đảm bảo an toàn lao động, kiểm tra hệ thống trước khi tiến hành bàn giao ca.

- Khi thấy bất kỳ hiện tượng bất thường nào phải tiến hành kiểm tra, theo dõi và báo cho người có thẩm quyền có biện pháp ứng phó, khắc phục kịp thời.

Khắc phục các sự cố.

- Sự cố mất điện: Trang bị máy phát điện dự phòng.

- Sự cố hư hỏng máy bơm tại bể điều hòa

Thường xuyên kiểm tra bơm chìm nước thải lắp đặt tại bể điều hòa, xem rác, bùn có thể bám vào, làm tắc đầu hút của bơm. Khi đó cần kéo lên và dùng nước có áp cao vệ sinh để tránh hiện tượng tắc nghẽn. Đồng thời kiểm tra xem rác thải có thể bám vào phao làm sai tín hiệu, khi đó cần vệ sinh ngay cọc phao.

- Sự cố nổi bùn tại ngăn anoxic (ngăn thiếu khí):

Nguyên nhân do máy khuấy tại ngăn anoxic hoạt động không đều làm khí N₂ thoát ra không đủ gây thiếu hụt vi sinh vật có lợi làm bùn nổi trên mặt bể. Do đó xử lý nước thải không hiệu quả, cách khắc phục sự cố của ngăn anoxic như sau:

+ Ngưng quá trình đưa nước thải vào các ngăn

+ Tắt máy sục khí vi sinh trong ngăn aerotank

+ Tắt máy khuấy trong ngăn anoxic (ngăn thiếu khí)

+ Để bể vi sinh lắng, sau đó khuấy đều trong khoảng thời gian từ 45 phút đến 1 tiếng. Sau đó khôi phục hoạt động bơm nước thải vào ngăn anoxic (ngăn thiếu khí).

- Sự cố đổi với hệ vi sinh hiếu khí tại ngăn aerotank:

Khi vận hành ngăn aerotank (ngăn hiếu khí) cần duy trì và lưu ý các yếu tố sau:

+ Lượng khí cấp vào ngăn hiếu khí: Phải cấp đủ khí và liên tục 24/24 giờ. Nếu thời gian cấp khí bị gián đoạn khoảng 1 - 3 ngày (tùy tình hình thực tế) sẽ không phải nuôi cấy lại vi sinh trong bể. Tuy nhiên, người vận hành cần kiểm tra thực tế lượng vi sinh, tỷ lệ chiếm chỗ của bùn hoạt tính trong bể để có phương án nuôi cấy lại vi sinh hay chỉ cần bổ sung chế phẩm vi sinh cho phù hợp.

+ Nhận biết tình trạng hoạt động của ngăn hiếu khí dựa vào màu của bùn hoạt tính trong ngăn theo kinh nghiệm và cách xử lý như sau:

• Bùn màu vàng nâu (màu gạch cua): Đây là màu chuẩn của bùn hoạt tính, bùn có màu này chứng tỏ bùn lắng tốt, khoẻ, bể hoạt động tốt.

• Bùn màu trắng: do vi khuẩn dạng sợi phát triển (trong điều kiện thiếu N, P, O₂) làm cho bông bùn xốp, tỷ trọng bùn giảm, thể tích lắng giảm và bùn khó lắng. Khi đó cần kiểm tra hàm lượng oxy trong ngăn, nếu thiếu thì phải bổ sung.

• Bùn màu đen: mùi H₂S, metacaptan, do có quá trình phân huỷ yếm khí tạo ra, điều này chứng tỏ là bể thiếu oxy nghiêm trọng, tạo điều kiện yếm khí cho các vi khuẩn hô hấp tùy tiện hô hấp theo kiểu yếm khí. Cần bổ sung oxy thật mạnh. Nếu không phục hồi được thì cần rút hết về bể chứa chứa bùn, và phải nuôi cấy lại từ đầu.

+ Kiểm tra bơm tuần hoàn chìm trong bể hiếu khí: xem rác, bùn có thể bám vào, làm tắc đầu hút của bơm. Khi đó cần kéo lên và dùng nước có áp cao vệ sinh để tránh hiện tượng tắc. Kiểm tra xem rác thải có thể bám vào phao làm sai tín hiệu. Khi đó cần vệ sinh ngay cọc phao.

+ Sự cố do bão lũ, thời tiết bất thường: Nếu thời tiết thay đổi như bão lũ hoặc nước thải chứa nhiều hóa chất độc hại gây ức chế hoạt động của vi sinh vật, cần tiến hành kiểm tra thành phần nước thải. Nếu nước thải có pH >8 thì cần bổ sung axit để trung hòa nước thải. Đồng thời, bổ sung thêm chế phẩm vi sinh, bùn hoạt tính vào bể hiếu khí nhằm duy trì hoạt động của vi sinh vật, tăng cường hiệu quả xử lý nước thải.

- Sự cố tại ngăn lắng (bể lắng sinh học):

+ Sự cố nổi bùn lên mặt bể lắng sinh học. Cách khắc phục Đo mật độ vi sinh tại bể hiếu khí nếu cao hơn 60ml/100ml thì phải tiến hành xả bùn dư về bể ủ bùn theo quy trình xả bùn ở phần trên. Kiểm tra bơm bùn sinh học, nếu bị tắc phải thông rửa sạch sẽ hay nếu không hoạt động phải đổi bơm và sửa chữa khắc phục sự cố này ngay.

+ Nước thải có màu đen có hiện tượng nổi bùn trên bề mặt bể lắng. Giảm lưu lượng bơm nước. Bật 2 máy nén khí chạy liên tục để cấp khí trong bể sinh học hiếu khí trong 3h.

+ Nước thải có màu đen không trong: Kiểm tra lượng vi sinh trong bể, nếu < 100 mL thì mở to van hồi lưu để bùn quay lại.

+ Bọt trắng nổi đầy bề mặt bể hiếu khí: Kiểm tra máy thổi khí, bơm khí. Bật thêm máy thổi khí.

- Sự cố đối với máy móc thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải: Kiểm tra và có hướng khắc phục kịp thời.

Khi hệ thống xử lý xảy ra sự cố: toàn bộ nước thải chưa xử lý tại nhà máy sẽ được lưu giữ trong bể điều hòa. Nếu trong thời gian khắc phục sự cố lượng nước thải vượt quá khả năng lưu chứa của bể này thì nhà máy sẽ tạm dừng sản xuất để không phát sinh thêm nước thải.

Sau khi hệ thống xử lý khắc phục xong sự cố thì toàn bộ lượng nước thải này sẽ được xử lý đạt QCCP trước khi thải ra môi trường.

*** Phòng chống sự cố về CTNH:**

Yêu cầu công nhân thu gom, phân loại, lưu giữ CTNH theo từng loại riêng biệt, tuyệt đối không để chất thải nguy hại có khả năng tương tác với nhau đặt gần nhau. Khi có sự cố rò rỉ, phát tán CTNH ra môi trường xung quanh, nhà máy sẽ tiến hành thu gom CTNH vào thùng chứa, kho chứa và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

*** Phòng chống tai nạn giao thông:**

- Quy định trọng tải, tuyến đường và tốc độ vận chuyển đối với phương tiện vận tải chở nguyên vật liệu và sản phẩm của nhà máy;

- Thường xuyên tuyên truyền cho CBCNV trong nhà máy về vệ an toàn trong tham gia giao thông như đội mũ bảo hiểm, đi đúng làn đường,...

*** Phòng chống thiên tai:**

- *Kế hoạch phòng chống bão, lụt:*

+ Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, bão lụt;

+ Thường xuyên kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện, đặc biệt khi có tin bão có thể xảy ra trên địa bàn.

+ Khi có tin bão có thể xảy ra, lãnh đạo yêu cầu công nhân kê cao hàng hoá, nguyên vật liệu, chằng buộc cửa sổ, cửa ra vào chắc chắn để tránh thiệt hại khi bão xảy ra.

+ Thành lập ban phòng chống bão lụt, triển khai các hoạt động cụ thể trong mùa mưa bão phù hợp với tình hình thực tế.

+ Thường xuyên kiểm tra, khơi thông cống rãnh.

- *Phòng chống sét:*

+ Lắp đặt hệ thống chống sét cho nhà xưởng bao gồm hệ thống kim thu sét, trụ đỡ + dây giăng, cáp thoát sét và cọc tiếp đất.

+ Hệ thống máy móc, thiết bị hoạt động được tiếp đất 100% theo đúng quy định an toàn về điện.

+ Định kỳ 1 lần/năm tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống chống sét.

c. Phương án sắp xếp vị trí các khu vực sản xuất của cơ sở nhằm giảm mức độ ảnh hưởng tiêu cực khi xảy ra sự cố

Các máy móc thiết bị trong xưởng sản xuất được Công ty bố hợp lý nhằm tạo ra năng suất, nhịp độ sản xuất nhanh hơn và giảm được ảnh hưởng tiêu cực khi xảy ra sự cố, cụ thể bao gồm:

- Chừa một khoảng hợp lý giữa các thiết bị, lối đi dọc, đi ngang, lối đi gần tường để công nhân hoạt động thuận lợi, tránh tai nạn và thuận lợi cho CBCNV di chuyển ra khỏi xưởng khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Đảm bảo khoảng cách giữa các thiết bị với thiết bị, giữa thiết bị với tường để dễ thao tác, dễ sửa chữa..

- Các thiết bị có cùng chức năng được bố trí thành cụm.

- Các bộ phận chuyển động của máy móc, thiết bị có tấm che chắn ...

d. Phương án đảm bảo nguồn lực của cơ sở để sẵn sàng ứng phó sự cố môi trường.

Công ty thành lập ban phòng chống sự cố môi trường và thường xuyên tập huấn cho CBCNV trong công ty về phương án phòng chống khi xảy ra sự cố môi trường nhằm giảm thiểu các rủi ro đối với tính mạng con người cũng như tài sản của công ty.

e. Các biện pháp cảnh báo, báo động, đảm bảo an ninh và bố trí giao thông để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Lắp đặt hệ thống báo cháy và biển báo hướng dẫn thoát hiểm khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Hệ thống giao thông nội bộ được công ty bố trí hợp lý chạy quanh xưởng sản xuất, đảm bảo cho xe PCCC có thể tiếp cận được mọi vị trí khi xảy ra cháy nổ.

- Thường xuyên đào tạo, tập huấn, diễn tập, phổ biến thông tin về phòng ngừa, ứng phó sự cố cho cán bộ công nhân viên của cơ sở và tổ chức cá nhân có liên quan bên ngoài cơ sở.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Năm 2019, Công ty đã được Ủy ban nhân tỉnh Nam Định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh” của Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh tại Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 02/8/2019. Đến nay Công ty đã có thay đổi một số nội dung như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

Bảng 8: Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Tên công trình	Phương án trong báo cáo ĐTM	Phương án xin điều chỉnh thay đổi	Lý do điều chỉnh, thay đổi
1	Nồi hơi	Sử dụng 1 lò hơi đốt than công suất 4 tấn hơi/h	Sử dụng 2 lò hơi dầu DO (1 lò hoạt động, 1 lò dự phòng). Công suất mỗi lò 1 tấn hơi/h	Nồi hơi đốt dầu DO thân thiện với môi trường, giảm phát thải bụi, khí thải ra môi trường. Lò hơi đảm bảo cung cấp đủ hơi cho hoạt động của nhà máy
2	Nâng công suất Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 350 m ³ /ngày.đêm	Không đầu tư	Công ty không nâng công suất trạm xử lý lên 350m ³ /ngày.đêm, Công ty vẫn duy trì công suất của trạm xử lý nước thải là 250 m ³ /ngày.đêm để xử lý nước thải
3	Lắp đặt điện mặt trời	Không có	Thực hiện lắp đặt hệ thống pin điện mặt trời trên mái nhà công suất lắp đặt là 120kw.	Điện mặt trời là nguồn năng lượng sạch. Công ty mong muốn sử dụng điện mặt trời để tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí tiêu thụ điện. Đồng thời quảng bá hình ảnh nhà máy vì môi trường xanh.
4	Giám sát môi trường	Theo điểm a, mục 2.2, khoản 2 điều 1 của Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 công ty phải thực hiện quan trắc giám sát nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý tần suất là 4 lần/năm	Tần suất quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý là 2 lần/năm	Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 111 của Luật bảo vệ môi trường 2020 đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ là dự án cơ sở có lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường; Căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 mức

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

				<p>lưu lượng xả nước thải lớn của dự án cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ 500m³/ngày - 1000 m³/ngày. Tuy nhiên để giám sát hiệu quả hệ thống xử lý nước cũng như có biện pháp khắc phục kịp thời khi có sự cố. Chủ cơ sở xin hiện quan trắc nước thải định kỳ 01 mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng sau hệ thống xử lý trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận. Tần suất quan trắc: 02 lần/năm.</p>
		<p>Theo điểm b, mục 2.2, khoản 2 điều 1 của Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 công ty phải thực hiện quan trắc giám sát khí thải sau hệ thống xử lý tần suất là 4 lần/năm</p>	<p>Tần suất quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý là 2 lần/năm</p>	<p>Căn cứ theo mục số 2 của Phụ lục 29 nghị định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 đối với cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xả bụi, khí thải công nghiệp lớn (lưu lượng từ 50.000m³/h trở lên) ra môi trường phải thực hiện quan trắc định kỳ. Tuy nhiên để giám sát hiệu quả hệ thống cũng như có biện pháp khắc phục kịp thời khi có sự cố. Chủ cơ sở xin hiện quan trắc nước thải định kỳ 01 mẫu khí thải tại lỗ kỹ thuật trên ống khói lò hơi</p>

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

				trước khi thải ra môi trường. Tần suất quan trắc: 02 lần/năm.
5	Bể sục cố	Thể tích 350m ³	Không xây dựng	Theo quy định tại Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 2 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì cơ sở không phải xây dựng bể sục cố nước thải.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Toàn bộ nước thải phát sinh của Công ty được thu gom và xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày đêm để xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty CP đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh xử lý nước thải của Công ty đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A), trước khi xả thải ra môi trường ngoài (kênh tiêu C9-5, sau đó chảy ra kênh tiêu C9 và ra sông Chanh). Nên báo cáo không đề nghị cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật BVMT.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

Nhà máy có 02 nguồn phát sinh bụi, khí thải từ 02 lò hơi đốt dầu. Trong đó 01 lò hơi hoạt động thường xuyên; 01 lò hoạt động dự phòng khi lò gặp sự cố

2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

Theo kết quả quan trắc bụi, khí thải của lò hơi tháng 8, tháng 11 năm 2023 lưu lượng khí thải của lò hơi từ 6.500 (m³/h) – 6.680 (m³/h). Hai lò hơi của Công ty có cùng công suất 1 tấn hơi/h. Do đó Công ty xin cấp giấy phép môi trường của lưu lượng khí thải tối đa của từng lò hơi là 7.500 m³/h. Tổng lưu lượng xả khí thải tối đa là 15.000 m³/h.

2.3. Dòng khí thải

Dòng khí thải: 02 dòng khí thải từ ống khói được xả ra môi trường.

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Áp dụng hệ số Kp =1 do lưu lượng khí thải là 7.500 m³/h < 20.000 m³/h, Kv=1 do Phân vùng, khu vực loại 3).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

Bảng 9: Giới hạn thông số đề nghị cấp phép đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giới hạn	Quy chuẩn áp dụng
			$C = C_{\max}$	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	QCVN 19:2009/BTNMT (B) (Áp dụng hệ số Kp: Kp < 20.000 nên Kp=1, Kv=1)
2	CO	mg/Nm ³	1000	
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	
4	NO _x	mg/Nm ³	850	

Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X(m): 2251261; Y(m): 0563521 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰)

- Phương thức xả thải: Tự nhiên

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Bảng 10: Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích mẫu nước thải đầu ra				QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)
			T2/2022	T5/2022	T8/2022	T11/2022	C _{max}
1	pH	-	7,3	7,4	7,1	6,7	5,5÷9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	45	25	25	46,5	49,5
3	COD	mg/l	104	42	66	108,8	148,5
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	44	44	84	88	100 (*)
5	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	385	369	239	766	1000 (*)
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	KPH	KPH	<0,09	0,4	0,495
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	0,045	2,19	2,14	8,5	9,9
8	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	<0,06	<0,06	0,47	14,9	50 (*)
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	KPH	0,59	1,28	5,1	10 (*)
10	Tổng P (tính theo P)	mg/l	<0,15	1,02	1,47	5,7	5,94
11	Tổng N	mg/l	32,2	13,3	<9	38,4	39,6
12	Clo dư	mg/l	1,370	KPH	KPH	1,5	1,98
13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,16	0,16	<0,09	5,5	10 (*)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

14	Tổng Coliforms	MPN/100ml	2.800	2.700	2.300	4.600	5000
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích mẫu nước thải đầu ra				QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)
			T5/2023	T6/2023	T8/2023	T11/2023	C _{max}
1	pH	-	6,87	7,02	6,84	6,9	5,5÷9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	7,95	14,3	14,1	7,34	49,5
3	COD	mg/l	18,8	31,4	31,3	18,8	148,5
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	16	62	32	29	100 (*)
5	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	242	250	228	236	1000 (*)
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	0,495
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	2,83	1,81	4,28	1,17	9,9
8	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	3,42	2,03	6,19	7,34	50 (*)
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	0,87	1,04	0,47	0,726	10 (*)
10	Tổng P (tính theo P)	mg/l	1,84	1,24	1,17	1,01	5,94
11	Tổng N	mg/l	14,29	30,54	15,97	10,36	39,6
12	Clo dư	mg/l	KPH	0,019	0	0	1,98
13	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	10 (*)
14	Tổng Coliforms	MPN/100ml	920	3.500	4.000	3.300	5000

Ghi chú:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng sau hệ thống xử lý nước thải của Công ty, điểm trước khi đầu nối với cống thu gom nước thải của KCN Bảo Minh;

- QCVN 40:2011/BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (với $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ trong đó giá trị C xác định theo cột B của Quy chuẩn, $K_q=0,9$ và $K_f=1,1$);

- QCVN 14:2008/BTNMT (B) (*): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Dấu (-): Không phân tích;

Nhận xét: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2022, 2023 (mỗi năm quan trắc 4 đợt) của cơ sở cho thấy kết quả phân tích nước thải tại tất cả các đợt quan trắc 14/14 thông số đều nằm trong giới hạn cho phép.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.

Bảng 11: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải định kỳ.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích mẫu khí thải lò hơi				QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)
			T2/2022	T5/2022	T8/2022	T11/2022	
1	SO ₂	mg/Nm ³	56,2	56,6	27,7	144	500
2	CO	mg/Nm ³	156,8	126,8	342,1	631	1.000
3	NO _x	mg/Nm ³	62,8	68,8	42,4	189	850
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	55,7	56,3	61,3	165	200
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích mẫu khí thải lò hơi				QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)
			T5/2023	T6/2023	T8/2023	T11/2023	
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	-	-	6.680	6.500	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

2	SO ₂	mg/Nm ³	91,7	0	0	KPH (MDL=12)	500
3	CO	mg/Nm ³	404,7	67,94	58,14	54,72	1.000
4	NO _x	mg/Nm ³	235,0	24,2	20,6	18,1	850
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	112,9	65,3	80,4	78	200

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên ống khói lò hơi.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Kp =1,0 (với P ≤ 20.000 m³/h); Kv =1,0 (Phân vùng, khu vực loại 3)

Nhận xét: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải năm 2022, 2023 (mỗi năm quan trắc 4 đợt) của cơ sở cho thấy kết quả phân tích khí thải khi đối chiếu với QCVN 19:2009/BTNMT (cột B), các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo:

Theo mục 3 chương V- Kết quả quan trắc môi trường của cơ sở Phụ lục X Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ, kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định. Nhà máy thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc với tần suất 4 lần/năm (3 tháng/lần), kết quả phân tích định kỳ của nhà máy được thể hiện cụ thể tại mục 1. của báo cáo. Do vậy nhà máy không thực hiện quan trắc trong quá trình lập báo cáo.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Đối với nước thải.

Theo mục số 57 phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng lập báo cáo hoàn thành. Công ty nằm trong KCN Bảo Minh vì vậy không thuộc đối tượng cấp phép xả thải. Theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chủ cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại Điều này sau khi được cấp giấy phép môi trường, trừ trường hợp đã có giấy phép môi trường thành phần. Vì vậy Công ty lập kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải công suất 250m³/ngày.

* **Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:** 6 tháng tính từ thời điểm Công ty được cấp giấy phép môi trường

* **Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải**

Căn cứ theo Khoản 5, điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Kế hoạch vận hành Trạm xử lý nước thải. Cơ sở sẽ tiến hành lấy mẫu để đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

Thời gian dự kiến liên tục trong vòng 3 ngày liên tiếp. Tần suất quan trắc là 1 lần/ngày, cụ thể như sau:

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Số mẫu /ngày	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	Mẫu nước thải đầu vào: Lấy mẫu tại bể điều hoà của trạm xử lý nước thải	Lưu lượng, pH, chất rắn lơ lửng, COD, BOD ₅ (20 ⁰ C), Amoni (tính theo N),	3 ngày liên tục	1 lần /ngày	Mẫu đơn	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B); QCVN14:2008/BTNMT (cột B)
2	01 mẫu tại hố ga cuối cùng sau hệ thống xử lý nước thải trước khi chảy vào cống	Sunfua, Tổng Nito, Tổng Photpho, Clo dư, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ	3 ngày liên tục	1 lần /ngày	Mẫu đơn	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

thu gom nước thải của KCN Bảo Minh	động thực vật, Coliform.				
--	-----------------------------	--	--	--	--

*** Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:**

1.2. Đối với khí thải.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định hệ thống thoát bụi, khí thải đối với trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải, bao gồm cả hệ thống kiểm soát khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là khí gas, dầu DO; hệ thống xử lý khí thải lò hỏa táng thì không phải thực hiện vận hành thử nghiệm. Công ty đang sử dụng lò hơi đốt dầu DO do vậy Công ty không phải vận hành thử nghiệm đối với khí thải lò hơi.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

**) Chương trình quan trắc nước thải định kỳ.*

- Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng sau hệ thống xử lý nước thải trước khi thải vào cống thoát nước thải của KCN Bảo Minh.

- Thông số quan trắc, giám sát: lưu lượng nước thải đầu ra, pH, chất rắn lơ lửng, COD, BOD₅ (20⁰C), Amoni (tính theo N), Sunfua, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Clo dư, chất hoạt động bề mặt, Dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần (2 lần/năm)

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng hệ số $K_q=0,9$, $K_f=1,1$).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

**) Chương trình quan trắc khí thải định kỳ*

- Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu khí thải tại lỗ kỹ thuật trên ống khói lò hơi.

- Thông số quan trắc, giám sát: lưu lượng khí thải, bụi tổng, CO, SO₂, NO_x.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần (2 lần/năm)

- Quy chuẩn so sánh : QCVN 19:2009/BTNMT (B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Áp dụng hệ số $K_p=1,0$ do $P \leq 20.000m^3/h$, $K_v=1,0$ (Phân vùng, khu vực loại 3));

3. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Không có

4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Công ty TNHH Smart shirts Gamments Manufacturing Bảo Minh

Bảng 12: Kinh phí thực hiện bảo vệ môi trường hằng năm

STT	Nội dung thực hiện	Kinh phí (vnd)
1	Giám sát môi trường định kỳ	30.000.000
2	Chi phí xử lý nước thải	100.000.000
3	Chi phí thuê xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại	120.000.000
4	Chăm sóc cây xanh	20.000.000
	Tổng	270.000.000

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo xin cấp giấy phép môi trường Cơ sở chưa tiếp đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty xin cam kết các nội dung sau:

- Cam kết thực hiện các quy định hiện hành của Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở: Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, các Luật và văn bản dưới luật có liên quan.

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường bao gồm:

+ Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCVN 14:2008/BTNMT (B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Cam kết xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Cam kết thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo đúng theo quy định hiện hành.

- Các cam kết khác:

+ Thực hiện các biện pháp an toàn lao động và phòng chống sự cố môi trường.

+ Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp có sự cố, rủi ro về môi trường.

PHỤ LỤC